

Số: 26/VNN

Đồng Nai, ngày 17 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

- Mã chứng khoán: DOC
- Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại liên hệ: (0251)3836 270 – 3833 289 Fax: (0251) 3836 270 – 3833 289
- E-mail: docambh@vnn.vn
- Đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Anh Thy- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin: Báo cáo thường niên 2024 của Công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai

(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty mục quan hệ cổ đông vào ngày 17/04/2025 tại đường dẫn “ docam.vn/tai-lieu-van-ban/”

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo thường niên 2024

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
CHỦ TỊCH HĐQT



Phan Thị Anh Thy



2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

1

THÔNG TIN CHUNG

- 6 Thông tin khái quát
- 8 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 12 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 14 Định hướng phát triển
- 17 Các rủi ro

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 24 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 28 Tổ chức và nhân sự
- 41 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 42 Tình hình tài chính
- 48 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 50 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 56 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
- 57 Tình hình tài chính
- 58 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 60 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 60 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- 62 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 66 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 68 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành
- 69 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 72 Hội đồng quản trị
- 76 Ban kiểm soát
- 78 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 82 Ý kiến kiểm toán
- 84 Báo cáo tài chính được kiểm toán

CHƯƠNG 01

Thông tin chung

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lí
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty	Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
Tên Tiếng Anh	Dong Nai Joint Stock Company of Agricultural Material
Tên viết tắt:	DOCAM
Mã cổ phiếu	DOC
Vốn điều lệ	100.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Đường số 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Số điện thoại	(0251) 3836 270 – 3833 289
Số Fax	(0251) 3836 270 – 3833 289
Website	www.docam.vn
Email	docambh@vnn.vn
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 3600333736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01/03/2010, cấp thay đổi lần thứ 07 ngày 28/09/2023



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Tháng 06/2005, theo quyết định số 2339/QĐ-UBND, UBND tỉnh Đồng Nai thành lập Tổng Công ty Công Nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trong đó Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai là công ty thành viên, hạch toán độc lập, dưới sự quản lý của đại diện chủ sở hữu là Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.



Công ty không ngừng củng cố vị thế tăng trưởng trên thị trường nhằm đạt được các mục tiêu hoạt động trong năm cũng như đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước. Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Công ty vẫn duy trì ở mức 100 tỷ đồng



Ngày 26/01/2011, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng.

Tháng 12/2004, Tiền thân của DOCAM là Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai, 100% vốn nhà nước, được chuyển đổi từ Công ty Vật tư Nông nghiệp theo quyết định số 5939/QĐ.CT.UBT ngày 02/12/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai. Chủ sở hữu là UBND tỉnh Đồng Nai.

Tháng 03/2010, Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai chính thức được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và chính thức hoạt động theo loại hình Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.



Tháng 12/2016, cổ phiếu Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch với mã chứng khoán là DOC, ngày giao dịch đầu tiên 19/12/2016, giá tham chiếu 11.000 đồng/cổ phiếu.



2004

2005

2010

2011

2016

Nay

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- >> **Kinh doanh phân bón:** Bán buôn phân bón
- >> **Kinh doanh nông sản:** Bán buôn nông sản
- >> **Dịch vụ cho thuê kho xưởng**



ĐỊA BÀN KINH DOANH



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Vật tư Nông Nghiệp Đồng Nai có mô hình quản trị gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan thông qua chủ trương chính sách, quyết định chiến lược trung và dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị được bổ nhiệm bởi Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, đề ra định hướng, chủ trương chính sách phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền quy định trong Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị kiến nghị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty gồm 03 thành viên.



BAN KIỂM SOÁT

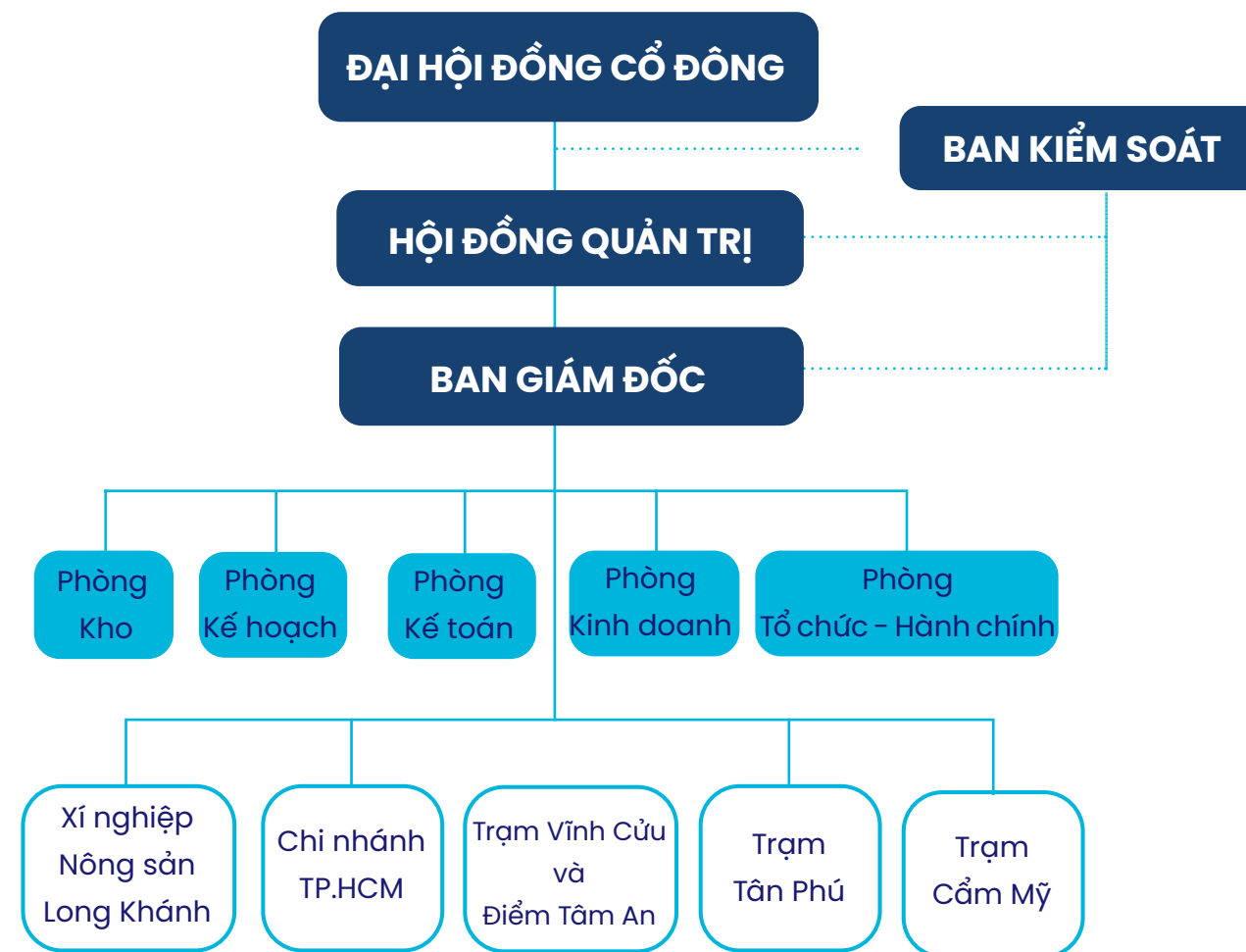
Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật. Ban kiểm soát hiện tại của Công ty gồm 03 thành viên.



BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc tổ chức, quản lý, sử dụng các nguồn lực của Công ty và thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị giao phó. Ban Giám đốc hiện tại của Công ty gồm 02 thành viên.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Vật tư Nông Nghiệp Đồng Nai không có Công ty Con, Công ty liên kết.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trạm Vật tư Nông Nghiệp Tân Phú	Quốc Lộ 20, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai
Xí nghiệp Nông sản Long Khánh	Quốc Lộ 1, Khu phố Cẩm Tân, Phường Xuân Tân, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
Trạm Vật tư Nông Nghiệp Cẩm Mỹ	Tổ 22, Ấp Láng Lớn, Xã Xuân Mỹ, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai
Trạm Vật tư Nông Nghiệp Vĩnh Cửu	Tỉnh lộ 768, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai	629 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh thương mại phân bón, nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và các hoạt động dịch vụ khác nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, cổ đông.
- Xây dựng và phát triển thương hiệu DOCAM trở thành một thương hiệu uy tín trong lĩnh vực vật tư nông nghiệp và nông sản.
- Chia sẻ và hợp tác với các đối tác/khách hàng, đảm bảo đôi bên cùng có lợi.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động
- Đồng hành cùng sự phát triển của các vùng nông nghiệp gắn kết với sự phát triển của Công ty.
- Sử dụng và bảo toàn vốn hiệu quả.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Đa dạng hóa sản phẩm kinh doanh, mở rộng thị phần, lấy kinh doanh thương mại phân bón, nông sản, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi làm nền tảng duy trì và phát triển. Tùy theo điều kiện thị trường, mở rộng việc kinh doanh nông sản và phân bón hữu cơ nhằm bù đắp sản lượng phân bón hóa học tiêu thụ ngày càng ít đi do nhu cầu thực phẩm sạch/ hữu cơ tăng lên.
- Tìm kiếm mặt bằng mới để chuẩn bị di dời trụ sở chính khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (trước ngày 31/12/2025). Nếu lựa chọn được địa điểm phù hợp, công ty sẽ lập hồ sơ báo cáo đề án xây dựng văn phòng làm việc, nhà kho theo quy định hiện hành. Trong trường hợp việc đầu tư xây dựng mới không đảm bảo hiệu quả kinh tế, trước mắt Công ty có thể cân nhắc phương án thuê văn phòng và kho bãi thay vì đầu tư cơ sở hạ tầng mới.
- Đảm bảo tính minh bạch trong mọi hoạt động của Công ty. Nâng cao chất lượng sản phẩm và tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự, đặc biệt trong hoạt động kinh doanh và bán hàng, nhằm củng cố uy tín và giá trị thương hiệu trên thị trường.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Với tinh thần luôn đồng hành và sẻ chia cùng cộng đồng nông dân, DOCAM không chỉ dừng lại ở vai trò một đối tác kinh doanh, mà còn trở thành người bạn đáng tin cậy. Mục tiêu của DOCAM là xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững, cùng đối tác và khách hàng chung tay phát triển và hưởng lợi một cách công bằng. Đồng thời, DOCAM đặc biệt quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần của đội ngũ nhân viên, tạo dựng một môi trường làm việc xanh, sạch, an toàn, đảm bảo trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho quá trình hoạt động.
- Bên cạnh việc hướng đến lợi nhuận, DOCAM luôn đặt tiêu chí bảo vệ môi trường lên hàng đầu. Công ty cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định và tiêu chuẩn môi trường hiện hành, đảm bảo thực hiện đầy đủ trách nhiệm về pháp lý cũng như tuân thủ mọi yêu cầu khác tại địa phương.
- Không dừng lại ở đó, DOCAM còn chú trọng phát triển gắn liền với đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội. Hằng năm, công ty dành một phần lợi nhuận để đóng góp vào quỹ phúc lợi, tài trợ các chương trình xã hội như xây nhà tình thương, hỗ trợ người khó khăn, duy trì an ninh quốc phòng, đồng thời tham gia phòng chống thiên tai tại địa phương. Đây chính là minh chứng cho tầm nhìn của DOCAM trong việc đồng hành bền vững cùng cộng đồng, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống cho tất cả mọi người.





CÁC RỦI RO

Năm 2024, kinh tế thế giới tiếp tục ghi nhận những dấu hiệu phục hồi tích cực nhưng với tốc độ chậm và không đồng đều giữa các khu vực. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã bắt đầu chu kỳ nới lỏng chính sách tiền tệ, giảm lãi suất 0,5 điểm phần trăm xuống còn 4,75%-5%/năm vào tháng 9/2024, trong bối cảnh thị trường việc làm và lạm phát suy giảm. Tuy nhiên, bối cảnh chính trị toàn cầu, bao gồm căng thẳng giữa các nền kinh tế lớn và diễn biến địa chính trị tại Nga – Ukraine, tiếp tục tạo ra những bất ổn đáng kể đối với chuỗi cung ứng năng lượng và nguyên liệu sản xuất phân bón; chiến sự tại khu vực Trung Đông, Biển Đỏ diễn ra gây khó khăn cho hoạt động vận chuyển hàng hóa, làm tăng chi phí đầu vào phân bón.

Trong nước, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong

mức tăng toàn nền kinh tế, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%. Sự tăng trưởng này phản ánh nhu cầu nông sản gia tăng, kéo theo nhu cầu sử dụng phân bón để nâng cao năng suất cây trồng. Tuy nhiên, giá phân bón trong nước đang có xu hướng giảm do giá phân bón thế giới giảm. Tình trạng dư cung phân bón trên cả thị trường nội địa lẫn thế giới và triển vọng giá kém lạc quan có thể kìm hãm đà tăng trưởng của các doanh nghiệp kinh doanh phân bón.

Để ứng phó kịp thời những biến động kinh tế, Ban lãnh đạo Công ty luôn bám sát tình hình thị trường và đưa ra những chủ trương, biện pháp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh linh hoạt với tình hình thực tế. Công ty luôn cập nhật tình hình thị trường, tăng cường quản lý chuỗi cung ứng, dự trữ nguyên liệu đầu vào hợp lý để ứng phó với biến động giá.

CÁC RỦI RO

RỦI RO TỶ GIÁ

Tỷ giá hối đoái biến động khó lường, có tác động lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu của Công ty. Nguồn phân bón đầu vào của DOCAM chủ yếu nhập khẩu từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong năm 2024, nhờ vào chính sách điều hành linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá USD/VNĐ đã ghi nhận mức tăng 5,03% so với năm 2023, ổn định so với các nước trong khu vực.

Trong tình hình tỷ giá duy trì ở mức cao, đây là thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp nhập khẩu nhập khẩu nói chung và DOCAM nói riêng. Sự gia tăng tỷ giá khiến giá vốn nhập khẩu tăng cao, ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tỷ giá, theo dõi sát sao biến động thị trường ngoại hối để đưa ra quyết định kịp thời.



RỦI RO CẠNH TRANH

Thị trường kinh doanh phân bón đang chứng kiến sự cạnh tranh mạnh mẽ. Đặc biệt theo Hiệp hội Phân bón Thế giới (IFA), tình trạng dư cung đối với hầu hết các loại phân bón chủ chốt trên thế giới sẽ trở nên nghiêm trọng hơn trong giai đoạn 2024-2028, khiến việc cạnh tranh thị phần giữa các doanh nghiệp phân bón trở nên gay gắt hơn. Việc Trung Quốc mở cửa kinh tế, khôi phục sản xuất và xuất khẩu phân bón đã tạo áp lực cạnh tranh về giá đối với thị trường trong nước. Thời gian gần đây, nhu cầu phân bón hữu cơ tại Việt Nam đang được Chính phủ khuyến khích sản xuất và ứng dụng, tạo cơ hội cho Công ty đa dạng hóa sản phẩm nhưng cũng tăng mức độ cạnh tranh trong phân khúc này. Trong bối cảnh này, Công ty luôn linh hoạt, đổi mới và đa dạng sản phẩm, kênh phân phối để duy trì và mở rộng thị phần. Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên nắm bắt thông tin về diễn biến thị trường phân bón luôn thay đổi để nghiên cứu và xây dựng các chính sách mua, bán hàng hóa theo từng giai đoạn để tối ưu hóa lợi nhuận.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Là công ty đại chúng đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, DOCAM hoạt động dưới sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Luật Thuế, Luật Lao động, Luật Hải Quan, các quy định từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các quy định khác có liên quan. Ngoài ra, với đặc thù về hoạt động kinh doanh về nông sản và phân bón, DOCAM còn phải tuân theo các quy định từ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 84/2019/NĐ-CP Quy định về quản lý phân bón, Thông tư 09/2019/TTBNPTNT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón, chính sách thuế quan,... Hành lang pháp luật Việt Nam đang ngày càng hoàn thiện, sẽ liên tục có những thay đổi và điều chỉnh để phù hợp hơn với quá trình hội nhập và phát triển

của đất nước. Điều này gây sẽ gây không ít khó khăn trong việc vận dụng Luật vào hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, trong năm, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật Thuế Giá trị gia tăng, áp dụng thuế 5% đối với phân bón, sẽ có hiệu lực vào ngày 01/07/2025. Điều này khiến giá phân bón nhập khẩu đầu vào tăng, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận và sản lượng tiêu thụ của Công ty.

Để giảm thiểu những khó khăn từ môi trường pháp lý, DOCAM luôn theo dõi và cập nhật thường xuyên các thay đổi về quy định pháp luật. Ban lãnh đạo Công ty xây dựng mục tiêu phù hợp để thích nghi với sự thay đổi và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.



CÁC RỦI RO

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Phân bón chiếm từ 30-60% giá trị đầu vào của vật tư nông nghiệp, góp phần khoảng 30-35% tổng sản lượng cây trồng. Khi ngành nông nghiệp phát triển, nhu cầu về phân bón cũng sẽ tăng cao, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp phân phối phân bón. Biến đổi khí hậu đang gây ra những tác động tiêu cực nghiêm trọng, bao gồm thời tiết khắc nghiệt, hạn hán, lũ lụt và sự gia tăng sâu bệnh, làm suy giảm diện tích đất canh tác và ảnh hưởng đáng kể đến năng suất mùa vụ. Sự biến động liên tục của giá vật tư nông nghiệp buộc nông dân phải cắt giảm đầu tư, kéo theo nhu cầu sử dụng phân bón sụt giảm, gây nhiều thách thức cho hoạt động kinh doanh trong ngành.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh mì lát của Công ty chủ yếu là mua ngay bán ngay và bán kỳ hạn khi có cơ hội cho các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản. Năm 2024, nhìn chung giá khoai mì (sắn) giảm và thị trường đầu ra rất chậm do giảm nhu cầu. Ngành chăn nuôi tiếp tục đối mặt với thách thức về dịch bệnh (dịch tả lợn Châu Phi, cúm gia cầm,...).

Trước những thử thách này, Ban lãnh đạo Công ty luôn chủ động theo dõi, đánh giá thị trường và linh hoạt áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro. Công ty không ngừng tìm kiếm đối tác mới để mở rộng kinh doanh phân bón, nông sản, đồng thời tập trung vào các dòng sản phẩm có lợi thế cạnh tranh. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo cũng đẩy mạnh phát triển các dịch vụ mang lại nguồn thu nhập bổ sung. Những điều chỉnh về chiến lược kinh doanh và dịch vụ trong thời gian gần đây đã góp phần giúp Công ty thích ứng tốt hơn với biến động của thị trường, h

ành cùng nông dân vượt qua khó khăn



RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Ngoài các rủi ro thường gặp, DOCAM còn đối mặt với những thách thức khó lường như dịch bệnh, hỏa hoạn, thiên tai, giao tranh quân sự trên thế giới và các sự kiện khẩn cấp khác. Khi sự việc xảy ra có thể gây tổn thất, ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Để giảm thiểu tối đa những rủi ro bất ngờ, DOCAM luôn duy trì một chiến lược chủ động và toàn diện. Công ty không chỉ đầu tư vào bảo hiểm cho người lao động và tài sản/hàng hóa mà còn thường xuyên nâng cấp, bảo trì cơ sở vật chất để đảm bảo an toàn và hạn chế thiệt hại khi có sự cố xảy ra. Những biện pháp này thể hiện cam kết của DOCAM trong việc bảo vệ nhân viên, tài sản/hàng hóa và sự ổn định của hoạt động kinh doanh.



CHƯƠNG 02

Tình hình hoạt động trong năm

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG

Đơn vị tính: Tấn					
Sản phẩm kinh doanh	Năm 2023	Năm 2024	KH 2024	% TH2024/TH2023	% TH2024/KH2024
Phân bón kinh doanh	15.616	19.144,5	16.995	122,60	112,65
Nông sản (khoai mì)	5.734	505,1	3.000	8,80	16,83
Lúa giống	9	4,6	5	51,11	92,00
Tổng sản lượng	21.359	19.654,2	20.000	92,01	98,27

Trong năm vừa qua, do hoạt động kinh doanh nông sản gặp khó khăn nên sản lượng hàng bán ra công ty đã giảm từ 21.359 tấn năm 2023 xuống còn 19.654 tấn năm 2024, tương ứng với mức giảm 7,99%; tổng sản lượng tiêu thụ hàng hóa của Công ty thực hiện giảm nhẹ khoảng 1,73% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, phân bón vẫn là mặt hàng kinh doanh chính chủ lực và quan trọng nhất của Công ty khi chiếm đến 97,40% tổng sản lượng. Năm nay phân bón tiêu thụ tăng 12,64% so với dự kiến ban đầu, bù đắp phần sụt giảm nghiêm trọng của mặt hàng nông sản khoai mì lát. Ngược lại với phân bón có mức tăng trưởng khá, thì mặt hàng còn lại là nông sản (khoai mì lát) chỉ đạt 16,83% so kế hoạch và chỉ bằng 8,80% so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân là do các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi không mua hàng vì tình hình dịch bệnh trên vật nuôi, làm sản lượng sụt giảm 2.500 tấn so với dự kiến khi xây dựng kế hoạch.



CƠ CẤU DOANH THU THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Hàng hóa, dịch vụ	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ trọng 2023	Tỷ trọng 2024	% Tăng/giảm
Phân bón kinh doanh	195.958	213.958	82,92%	97,27%	+ 9,18%
Nông sản (khoai mì)	37.222	3.115	15,75%	1,42%	- 91,63%
Hạt giống	115	80	0,05%	0,04%	- 30,43%
Dịch vụ khác	3.034	2.802	1,28%	1,27%	- 7,65%
Tổng doanh thu	21.359	19.654,2	20.000	92,01	98,27



Năm 2024, tổng doanh thu đạt 219.955 triệu đồng tương ứng với mức giảm 6,93% so với cùng kỳ năm trước và đạt 121,96% so với kế hoạch.

Trong đó, doanh thu phân bón đạt 213.958 triệu đồng tăng 9,18% so với năm 2023; là do sản lượng phân bón kinh doanh tăng 22,58% so với cùng kỳ, song giá bán giảm, nên doanh thu bán phân bón không tăng tương ứng. Tiếp đến nông sản (khoai mì lát) là mặt hàng kinh doanh quan trọng thứ hai của Công ty năm nay chỉ chiếm tỷ trọng 1,42% tổng doanh thu. Doanh thu nông sản chỉ đạt 3.115 triệu đồng với mức sụt giảm 91,63% so với năm 2023; nguyên nhân do sụt giảm sản

lượng 2.500 tấn khoai mì lát như đã phân tích ở phần cơ cấu sản phẩm.

Ngoài ra, doanh thu đến từ kinh doanh hạt giống và cung cấp dịch vụ khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ lần lượt là 0,03% và 1,27% trong năm 2024 nhưng đều ghi nhận sự sụt giảm so với cùng kỳ. Nguyên nhân là do khách hàng trả kho thuê vì ảnh hưởng bởi thông báo lộ trình di dời Khu công nghiệp Biên Hòa 1 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Nhìn chung, cơ cấu doanh thu năm qua theo xu hướng tăng mạnh tỷ trọng doanh thu phân bón và giảm tỷ trọng các mảng kinh doanh còn lại, nhất là nông sản giảm mạnh. Chiếm tỷ trọng phần lớn tổng doanh thu (97,27%) là doanh thu bán phân bón.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2023	TH 2024	KH 2024	%TH 2024/ TH 2023	%TH 2024/ KH 2024
Tổng sản lượng	Tấn	21.359	19.654,2	20.000	92,01%	98,27%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	236.329	219.955	180.350	93,07%	121,96%
Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.921	4.951	4.700	83,62%	105,34%
Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.717	3.939	3.760	83,51%	104,76%

Năm 2024, bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục chịu tác động mạnh từ những biến động chính trị và tài chính, khiến hoạt động thương mại đối mặt với nhiều thách thức. Xung đột quân sự leo thang, gián đoạn chuỗi cung ứng và sự bất ổn của thị trường tài chính đã tạo ra áp lực đáng kể lên các doanh nghiệp. Trong khi đó, mặc dù kinh tế Việt Nam vẫn giữ được mức lạm phát ổn định, với chỉ số CPI tháng 12/2024 tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước, tổng cầu suy giảm cùng chi phí vận hành gia tăng đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành, trong đó có DOCAM.



Kết thúc năm 2024, các chỉ tiêu kinh doanh của Công ty tuy giảm so với cùng kỳ nhưng vẫn vượt kế hoạch đề ra nhờ vào các chính sách linh hoạt, tận dụng các cơ hội nhanh chóng.

Sản lượng (phân bón, nông sản) tiêu thụ đạt 98,27% kế hoạch và bằng 92,01% so với cùng kỳ năm trước, do sản lượng khoai mì sụt giảm 2.500 tấn so với dự kiến ban đầu khi xây dựng kế hoạch.

Doanh thu thuần của Công ty ghi nhận 219.955 triệu đồng, giảm 6,93% so với năm 2023 và vượt 21,94% so với kế hoạch do nguồn cung dư thừa, giá phân bón giảm. Từ đó, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty lần lượt đạt 4.951 triệu đồng và 4.717 triệu đồng, giảm 16,63% và 16,49% so với năm 2023, vượt 5,34% và 4,76% so với kế hoạch.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

STT	Thành viên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT
2	Cao Hùng Lai	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT không điều hành
Ban kiểm soát		
1	Đoàn Tuấn Anh	Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên BKS
3	Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên BKS
Ban điều hành		
1	Cao Hùng Lai	Phó Giám đốc
2	Ngô Huỳnh Minh	Kế toán trưởng

Những thay đổi trong Ban lãnh đạo năm 2024: Không có



LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà PHAN THỊ ANH THY

Ngày sinh: 20/04/1969

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lí Kinh tế, Cử nhân Hóa

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

07/1995 – 12/2004	Chuyên viên Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Nai
01/2005 – 02/2008	Phụ trách bộ phận Dịch vụ An Bình thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Nai
03/2008 – 08/2009	Giám đốc Xí nghiệp Nông sản và Dịch vụ An Bình thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Đồng Nai
09/2009 – 12/2011	Chuyên viên Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
01/2012 – 07/2013	Phó Trưởng phòng Kinh doanh liên kết Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
08/2013 – 03/2014	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
04/2014 – 05/2020	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
04/2014 – 06/2020	Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
06/2020 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Số lượng cổ phần sở hữu:

	3.221.500	cổ phần, chiếm tỷ lệ	32,215 %
• Sở hữu cá nhân	10.700	cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,11 %
• Sở hữu đại diện Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	3.210.800	cổ phần, chiếm tỷ lệ	32,108 %
• Sở hữu của người có liên quan	-	cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)
LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông CAO HÙNG LAI

Ngày sinh: 28/10/1963

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Giám Đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

07/1985 – 04/1994	Chuyên viên Phòng Kế hoạch Công ty Cà phê Đồng Nai
05/1994 – 12/2004	Chuyên viên, Trưởng Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai (DNNN)
01/2005 – 02/2010	Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
03/2010 – nay	Thành viên HĐQT, Trưởng Phòng Kế hoạch CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
04/2014 – nay	Phó Giám đốc CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Số lượng cổ phần sở hữu:	2.000.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	20 %
• Sở hữu cá nhân		- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
• Sở hữu đại diện Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	2.000.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	20 %
• Sở hữu của người có liên quan		- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

Bà NGUYỄN THỊ KIM QUY

Ngày sinh: 14/02/1981

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Luật Thương mại

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.

Quá trình công tác

07/2005 – 03/2012	Viên chức văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất Tp.Biên Hòa
04/2014 – 05/2021	Chuyên viên pháp chế Phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
05/2021 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
06/2021 – 12/2022	Phó Trưởng phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai
01/2023 – nay	Quyền Trưởng phòng, Trưởng phòng Tổ chức Lao động Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai

Số lượng cổ phần sở hữu:	2.000.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	20 %
• Sở hữu cá nhân		- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
• Sở hữu đại diện Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	2.000.000	cổ phần, chiếm tỷ lệ	20 %
• Sở hữu của người có liên quan		- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)
LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Ông ĐOÀN TUẤN ANH

Ngày sinh: 21/12/1989
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

02/2012 – 05/2020	Chuyên viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
06/2020 – nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Số lượng cổ phần sở hữu:

• Sở hữu cá nhân	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
• Sở hữu đại diện	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
• Sở hữu của người có liên quan	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

Bà TRƯƠNG THỊ NGỌC HÒA

Ngày sinh: 20/10/1987
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
Chuyên viên Phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Quá trình công tác

06/2009 – 07/2011	Chuyên viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
10/2009 – 5/2013	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Xuất nhập khẩu Đồng Nai
8/2010 – 9/2012	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Giống cây trồng Đồng Nai
07/2011 – nay	Chuyên viên Phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
03/2010 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
4/2011 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Chăn nuôi Phú Sơn
8/2015 – 11/2017	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Lothamilk

Số lượng cổ phần sở hữu:

• Sở hữu cá nhân	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
• Sở hữu đại diện	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
• Sở hữu của người có liên quan	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT

Ông ĐOÀN TUẤN ANH

Ngày sinh: 21/12/1989

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

02/2012 – 05/2020	Chuyên viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
06/2020 – nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Số lượng cổ phần sở hữu:

• Sở hữu cá nhân	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
• Sở hữu đại diện	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
• Sở hữu của người có liên quan	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

Bà TRƯƠNG THỊ NGỌC HÒA

Ngày sinh: 20/10/1987

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Luật, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chuyên viên Phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chăn nuôi Phú Sơn

Quá trình công tác

06/2009 – 07/2011	Chuyên viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
10/2009 – 5/2013	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Xuất nhập khẩu Đồng Nai
8/2010 – 9/2012	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Giống cây trồng Đồng Nai
07/2011 – nay	Chuyên viên Phòng Kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
03/2010 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
4/2011 – nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Chăn nuôi Phú Sơn
8/2015 – 11/2017	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Lothamilk

Số lượng cổ phần sở hữu:

• Sở hữu cá nhân	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
• Sở hữu đại diện	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
• Sở hữu của người có liên quan	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông CAO HÙNG LAI – Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Giám Đốc

Xem tại 2.2 – Mục II – Tổ chức nhân sự – Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông NGÔ HUỲNH MINH

Ngày sinh: 24/08/1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác

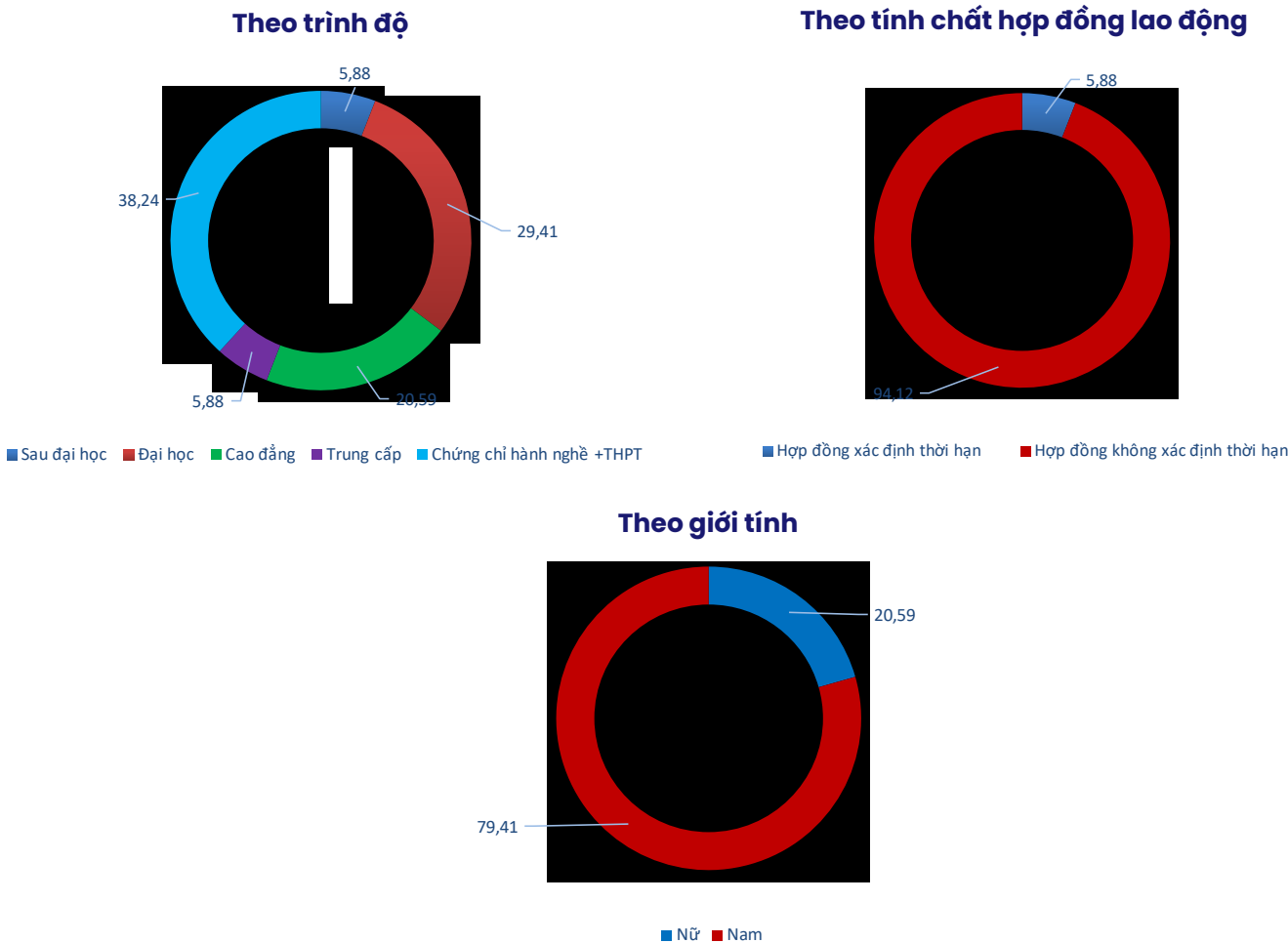
06/2003 – 03/2004	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Sản xuất Mắt Kính ChuanSheng
03/2004 – 03/2006	Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Phước Thạnh
03/2006 – 11/2006	Phụ trách Kế toán Công ty Xây dựng Hoàng Phúc Đạt
11/2006 – 03/2008	Phụ trách Kế toán Công ty Y phục Doanh nhân
03/2008 – 04/2009	Trợ lý Kiểm toán Công ty Kiểm toán Vạn An
04/2009 – 02/2010	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
03/2010 – 03/2016	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
04/2016 – 06/2020	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
08/2020 – nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

Số lượng cổ phần sở hữu:

Sở hữu cá nhân	10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,1 %
Sở hữu đại diện	10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ	0,1 %
Sở hữu của người có liên quan	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-
	- cổ phần, chiếm tỷ lệ	-

CƠ CẤU SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ	34	100
1	Sau đại học	2	5,88
3	Đại học	10	29,41
4	Cao đẳng	7	20,59
5	Trung cấp	2	5,88
6	Chứng chỉ hành nghề +THPT	13	38,24
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	34	100
1	Hợp đồng xác định thời hạn	2	5,88
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	32	94,12
III	Giới tính	34	100
1	Nữ	7	20,59
2	Nam	27	79,41



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Với những chính sách phát triển nguồn nhân lực toàn diện, Docam không ngừng nâng cao chất lượng môi trường làm việc, thu hút và phát triển nhân tài, đồng thời xây dựng một văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, bền vững. Đây chính là nền tảng để công ty tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tương lai, đồng hành cùng nhân viên trên hành trình chinh phục những thành công mới.



Môi trường làm việc

Docam cam kết xây dựng một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, nơi sáng tạo và tinh thần đồng đội luôn được khuyến khích. Công ty không chỉ tập trung vào hiệu suất công việc mà còn chú trọng tạo điều kiện tốt nhất để mỗi cá nhân phát triển tối đa tiềm năng. Docam đề cao sự đa dạng và sáng tạo, mang đến cơ hội để nhân viên phát triển bản thân, đồng thời đóng góp vào sự thành công chung của doanh nghiệp.



Với không gian làm việc hiện đại, cởi mở, Docam thúc đẩy sự kết nối và tương tác tích cực giữa các phòng ban và đội ngũ quản lý. Công ty cũng tạo dựng một môi trường thân thiện, nơi mọi ý kiến đều được lắng nghe, đánh giá công bằng và khuyến khích tinh thần hợp tác. Đây chính là nền tảng để mỗi cá nhân phát huy tối đa khả năng của mình, đồng thời xây dựng một tập thể vững mạnh.

Chính sách tuyển dụng

Với những chính sách phát triển nguồn nhân lực toàn diện, Docam không ngừng nâng cao chất lượng môi trường làm việc, thu hút và phát triển nhân tài, đồng thời xây dựng một văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, bền vững.

Đây chính là nền tảng để công ty tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong tương lai, đồng hành cùng nhân viên trên hành trình chinh phục những thành công mới.



Chính sách đào tạo

Docam coi nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chính vì vậy, bên cạnh việc thu hút nhân tài, công ty còn đặc biệt chú trọng đến đào tạo và phát triển nhân sự.

Công ty thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn mới thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, các buổi chia sẻ kinh nghiệm từ đội ngũ quản lý trẻ, giàu năng lực và sáng tạo. Nhằm nâng cao khả năng thích ứng với thị trường, đặc biệt là trong lĩnh vực phân bón và nông sản, Docam hỗ trợ chi phí cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài để nâng cao tay nghề.

Docam hiểu rằng đầu tư vào con người không chỉ giúp nâng cao hiệu suất làm việc mà còn tạo ra giá trị bền vững cho doanh nghiệp. Chính sách đào tạo của công ty giúp đội ngũ nhân sự sẵn sàng đối mặt với những thách thức của thị trường, đảm bảo sự phát triển ổn định trong dài hạn.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Chính sách lương, thưởng

Docam xây dựng chính sách lương, thưởng minh bạch, công bằng, đảm bảo quyền lợi của nhân viên theo đúng quy định của Luật Lao động. Công ty đánh giá năng lực và mức độ đóng góp của từng cá nhân để đưa ra mức lương phù hợp, đồng thời thực hiện xét duyệt tăng lương định kỳ dựa trên kết quả công việc.

Những nhân sự có thành tích xuất sắc và đóng góp quan trọng cho sự phát triển của công ty sẽ được ghi nhận và thưởng xứng đáng. Minh bạch và rõ ràng là nguyên tắc cốt lõi trong việc quản lý lương, thưởng tại Docam. Công ty cũng có quy định chặt chẽ về xử lý vi phạm để đảm bảo tính công bằng, trách nhiệm và nâng cao tinh thần chuyên nghiệp trong toàn tổ chức.

Chính sách lương, thưởng của Docam không chỉ là công cụ để khuyến khích và ghi nhận sự cống hiến của nhân viên mà còn là động lực thúc đẩy tinh thần làm việc tích cực, góp phần xây dựng một tập thể vững mạnh và phát triển bền vững.



Chế độ phúc lợi và đãi ngộ

Docam chú trọng xây dựng chính sách phúc lợi toàn diện, giúp nhân viên cân bằng giữa công việc và cuộc sống cá nhân. Công ty đặc biệt quan tâm đến sức khỏe thể chất và tinh thần của nhân sự bằng cách tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cung cấp các gói bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn 24/24.

Ngoài ra, Docam còn tạo ra một môi trường làm việc tích cực thông qua các kỳ nghỉ bồi dưỡng sức khỏe, tặng quà cho NLĐ vào các dịp Lễ, Tết...

Đặc biệt, công ty luôn lắng nghe và tôn trọng ý kiến đóng góp của người lao động. Sự chân thành và minh bạch trong quản trị nhân sự giúp Docam không chỉ tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp mà còn là một "gia đình thứ hai", nơi mỗi cá nhân đều cảm thấy gắn kết và có giá trị.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Không có

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty hiện không có Công ty con hay Công ty liên kết



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Sóp	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Năm 2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	121.418	120.016	98,85%
2	Doanh thu thuần	236.329	219.955	93,07%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.919	4.922	83,16%
4	Lợi nhuận khác	2,036	30,191	1.482,85%
5	Lợi nhuận trước thuế	5.921	4.952	83,63%
6	Lợi nhuận sau thuế	4.717	3.939	83,51%
7	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	3%	2,7% (*)	90,00%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	63,60%	68,54%	107,76%

(*): Tỷ lệ cổ tức/VĐL năm 2024 theo kế hoạch ban đầu dự kiến là 2,7%, tỷ lệ cổ tức thực hiện sẽ được trình tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 xem xét quyết định.

Kinh tế Việt Nam năm 2024 tiếp tục đà phục hồi và tăng trưởng tích cực, tạo ra cả cơ hội và thách thức cho Docam.

Tổng giá trị tài sản của Docam năm 2024 đạt 120.016 triệu đồng, giảm nhẹ 1,15% so với năm trước. Doanh thu thuần đạt 219.955 triệu đồng, giảm 6,93% so với cùng kỳ năm 2023, phản ánh sự sụt giảm nhu cầu tiêu thụ hàng hóa từ thị trường.

Về mặt lợi nhuận, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 4.922 triệu đồng, giảm 16,84% so với năm trước.

Lợi nhuận năm 2024 chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh phân bón mang lại, còn hiệu quả của kinh doanh nông sản đạt thấp. Lợi nhuận khác tăng từ 2,036 triệu lên 30,191 triệu đồng chủ yếu đến từ việc bán pallet gỗ tận thu từ các containers phân bón nhập khẩu và chiếm tỷ trọng rất nhỏ (không đáng kể) trong cơ cấu lợi nhuận. Lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều giảm lần lượt khoảng 16,36% và 16,49%, phản ánh tác động từ hoạt động kinh doanh chính.

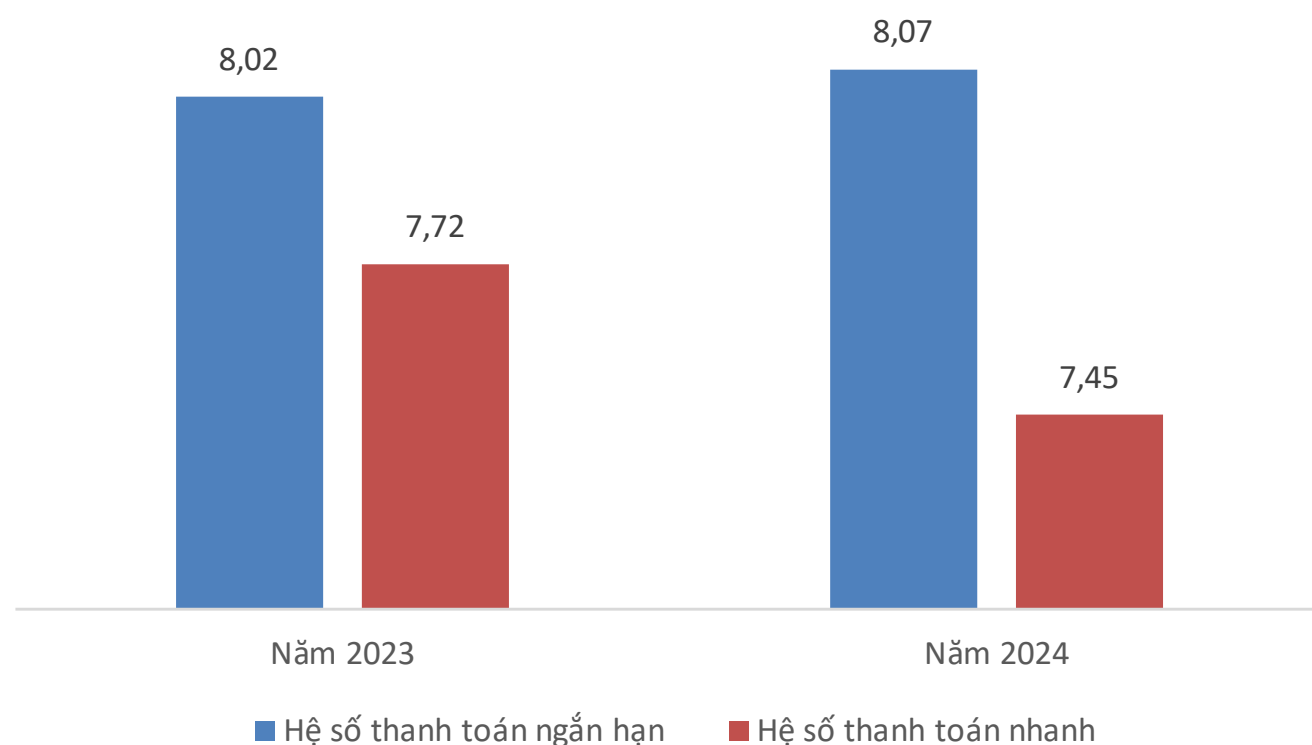


CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	8,02	8,07
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	7,72	7,45
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	12,34	12,30
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	14,08	14,02
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	38,06	30,88
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,88	1,82
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	2,00	1,79
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	4,38	3,72
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	3,76	3,26
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,50	2,24

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

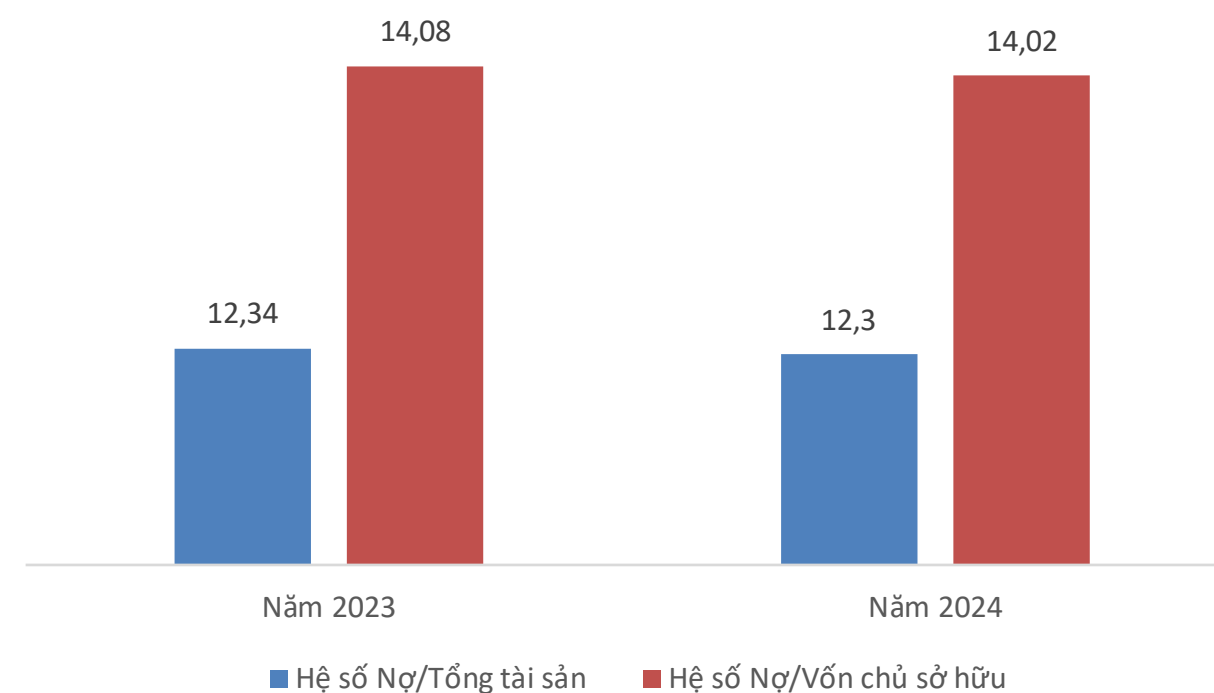
KHẢ NĂNG THANH TOÁN



Trong năm, khả năng thanh toán của Docam có biến động nhẹ trong năm 2024 nhưng không đáng kể, vẫn duy trì ở mức cao cho thấy công ty có khả năng tự chủ tốt. Hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty tăng từ 8,02 lần lên 8,07 lần, chủ yếu do nợ ngắn hạn giảm từ 14.987 triệu đồng về 14.758 triệu đồng, tương ứng giảm 1,53% so với cùng kỳ và giảm nhiều hơn tài sản ngắn hạn. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn của công ty ghi nhận mức giảm nhẹ 0,93% so với cùng kỳ năm trước do dòng tiền ứng trước từ khách hàng giảm.

Bên cạnh đó, khả năng thanh toán nhanh của công ty có xu hướng giảm từ 7,72 lần xuống mức 7,45 lần nguyên nhân là do hàng tồn kho trong cơ cấu tài sản tăng khá mạnh khoảng 103,92% so với năm trước, làm giảm khả năng chuyển đổi tài sản ngắn hạn thành tiền mặt nhanh chóng.

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

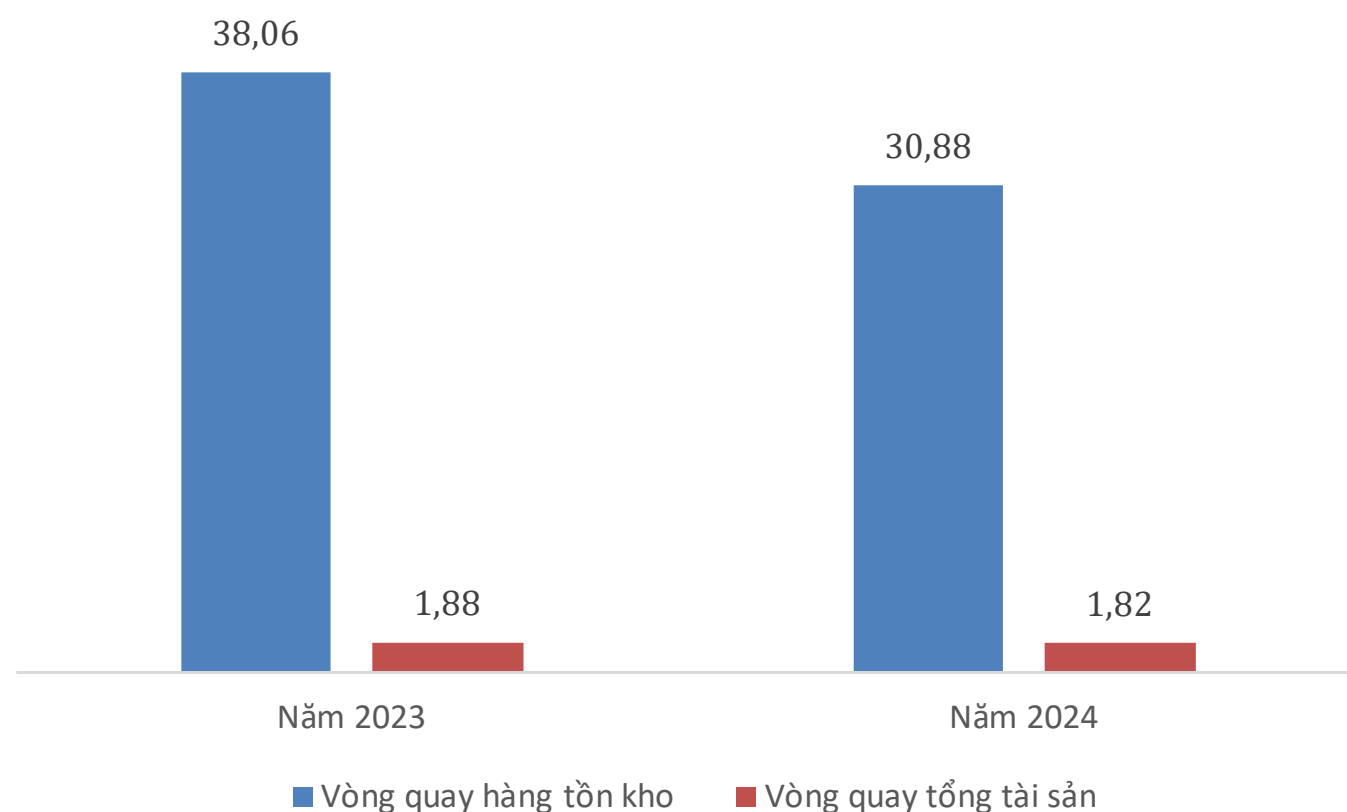


Trong năm 2024, cơ cấu vốn của Công ty nhìn chung khá ổn định, tài sản của Công ty chủ yếu được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu. Hệ số nợ trên tổng tài sản giảm nhẹ từ 12,34% xuống 12,30%. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu có xu hướng giảm nhẹ từ 14,08% xuống mức 14,02%, nguyên nhân là do người mua trả tiền trước giảm. Vốn chủ sở hữu giảm 1,1% so với năm trước do lợi nhuận chưa phân phối giảm.



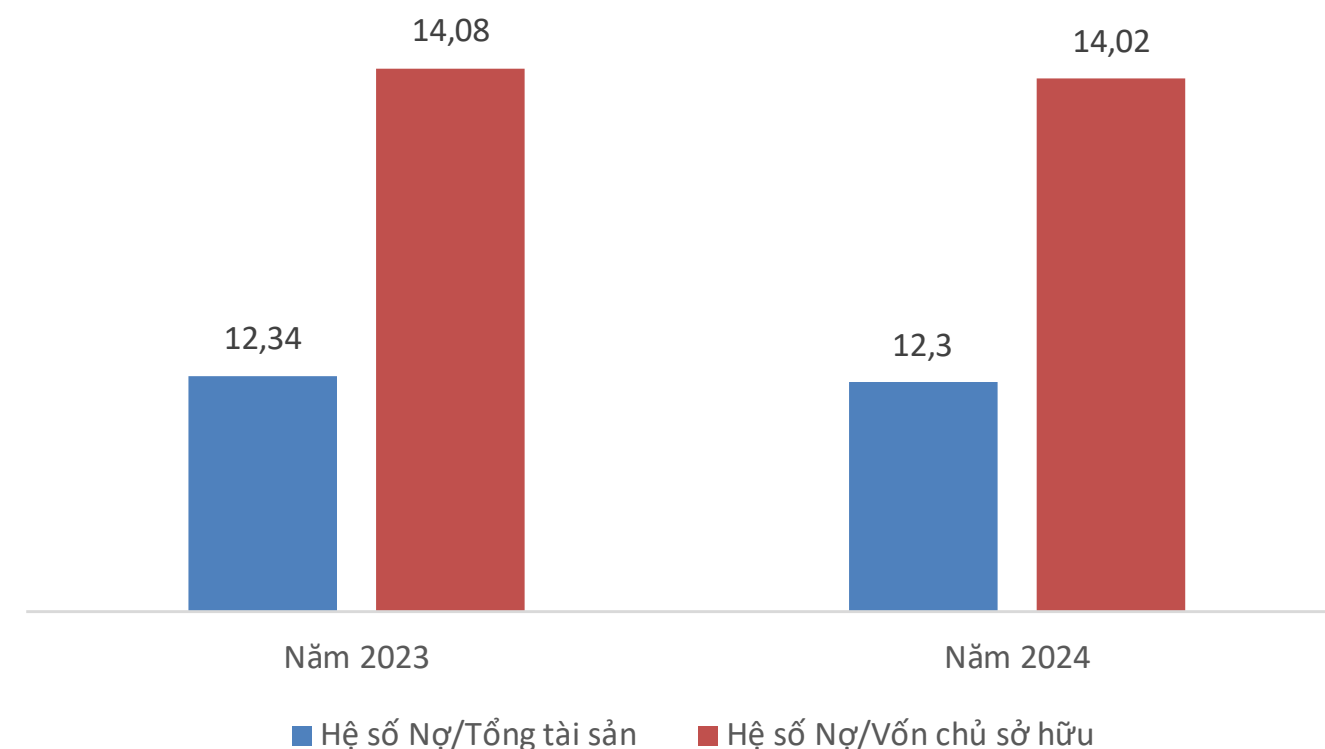
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG



Vòng quay hàng tồn kho của công ty trong năm 2024 có xu hướng giảm từ 38,06 năm 2023 xuống mức 30,88 năm 2024, do hàng hóa đầu ra giảm, giá vốn bán hàng giảm 7,01% so với cùng kỳ năm 2023 và hàng hóa đầu vào tăng, hàng tồn kho cũng tăng 4.694 triệu đồng tương ứng 1,04 lần. Điều này phản ánh nhiều thách thức trong hoạt động quản lý chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm của Công ty. Ngoài ra, vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,88 xuống mức 1,82 do doanh thu của Công ty giảm 6,93% so với năm 2023 cao hơn mức giảm 1,15% của tổng tài sản, chủ yếu do nhu cầu thị trường suy yếu, giá hàng hóa giảm.

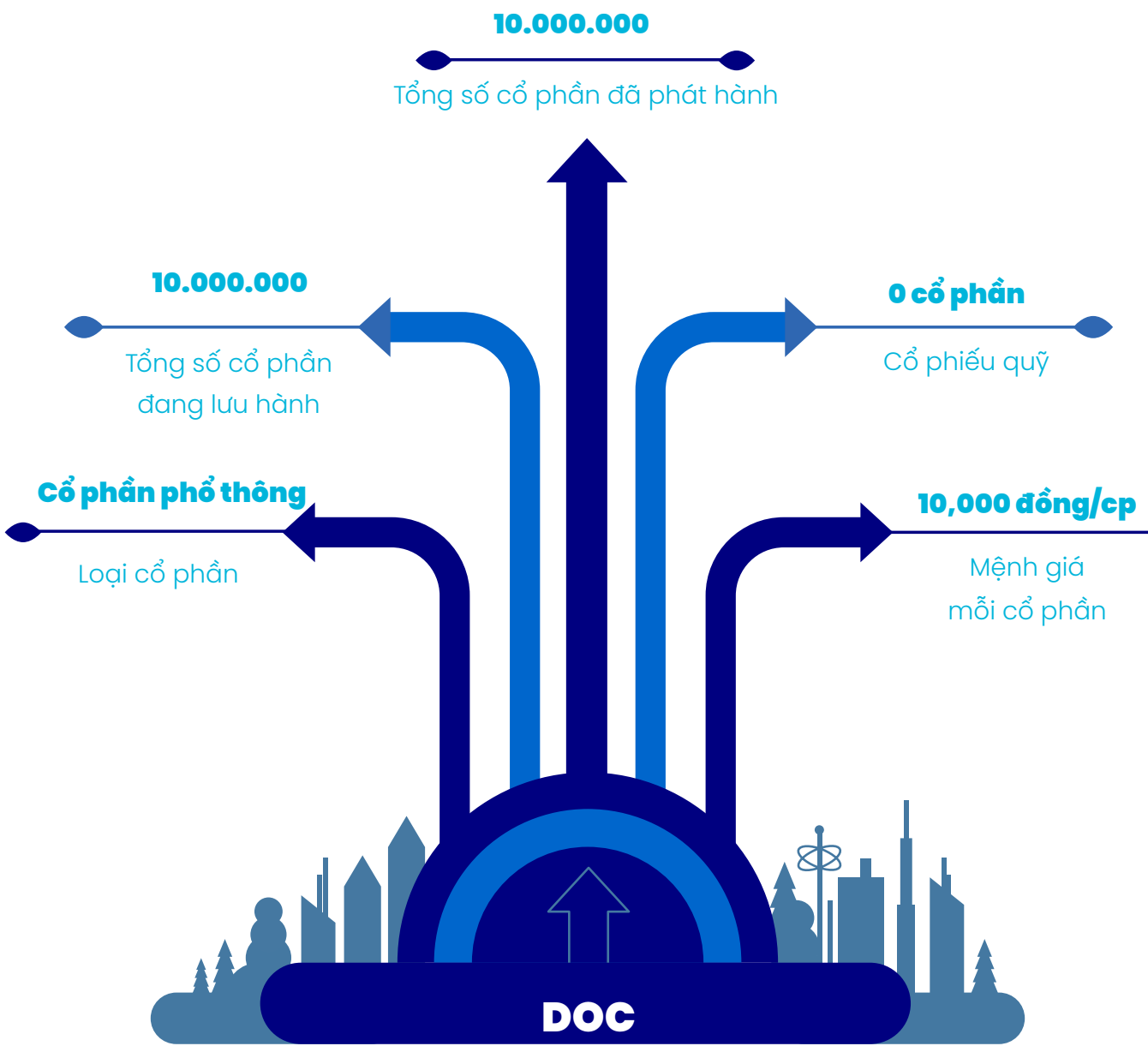
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Các chỉ số sinh lời của năm 2024 đều giảm so với năm trước trên nhiều phương diện về doanh thu, tài sản, vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế của công ty trong năm 2024 đạt 3.939 triệu đồng giảm 16,49% so với cùng kỳ năm 2023. Nguyên nhân xuất phát từ tình trạng thị trường khó khăn, trong khi chi phí (đầu vào, lao động, vận tải, quản lý...) vẫn ở mức cao.

- Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần đạt 1,79%;
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân đạt 3,72% ;
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân đạt 3,26%;
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên Doanh thu thuần đạt 2,24%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
CỔ PHẦN



CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC, CỔ ĐÔNG LỚN

STT	TÊN	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai – Công ty TNHH MTV	7.210.800	72,108%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	10.000.000	100.000.000.000	100,00
1	Cá nhân	2.239.200	22.392.000.000	22,392
2	Tổ chức	7.760.800	77.608.000.000	77,608
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Cá nhân	-	-	-
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng(I+II)		10.000.000	100.000.000.000	100,00

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0 (*): Theo công văn số 158/UBCK-PTTT ngày 12/01/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ VÀ CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Cam kết bảo vệ môi trường – Hướng tới phát triển bền vững

Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai (Docam) luôn đặt trách nhiệm bảo vệ môi trường lên hàng đầu, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất không gây tác động tiêu cực đến hệ sinh thái. Với tầm nhìn phát triển bền vững, Docam không ngừng đổi mới, áp dụng các giải pháp thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu tác động đến thiên nhiên và tài nguyên.

Bên cạnh đó, công ty đẩy mạnh công tác tuyên truyền và nâng cao nhận thức môi trường cho toàn thể cán bộ, công nhân viên. Các hành động nhỏ như giảm thiểu rác thải, phân loại chất thải và tiết kiệm nguyên liệu được khuyến khích thực hiện hàng ngày, giúp hình thành thói quen bảo vệ môi trường ngay từ trong nội bộ doanh nghiệp. Những nỗ lực này không chỉ lan tỏa ý thức trách nhiệm môi trường mà còn góp phần tạo dựng một môi trường làm việc xanh, sạch, lành mạnh, đồng hành cùng mục tiêu phát triển bền vững lâu dài.

Tiêu thụ năng lượng điện và nước – Hướng đến hiệu quả và tiết kiệm

DOCAM luôn ưu tiên sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm và hiệu quả, không chỉ để tối ưu chi phí vận hành mà còn nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Dù mức tiêu thụ điện và nước khá cao do đặc thù sản xuất, công ty đã thiết lập các định mức tiêu hao cụ thể, đảm bảo tối ưu hóa quy trình sản xuất mà vẫn tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn về môi trường.

DOCAM khuyến khích tinh thần trách nhiệm của từng cán bộ, công nhân viên trong việc sử dụng năng lượng tiết kiệm. Các chương trình tuyên truyền nội bộ được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc tiết kiệm năng lượng. Công ty thúc đẩy những hành động thiết thực hàng ngày, từ tắt các thiết bị điện không cần thiết đến tối ưu hóa quá trình sử dụng nước, góp phần vào mục tiêu chung là quản lý nguồn năng lượng một cách hiệu quả.



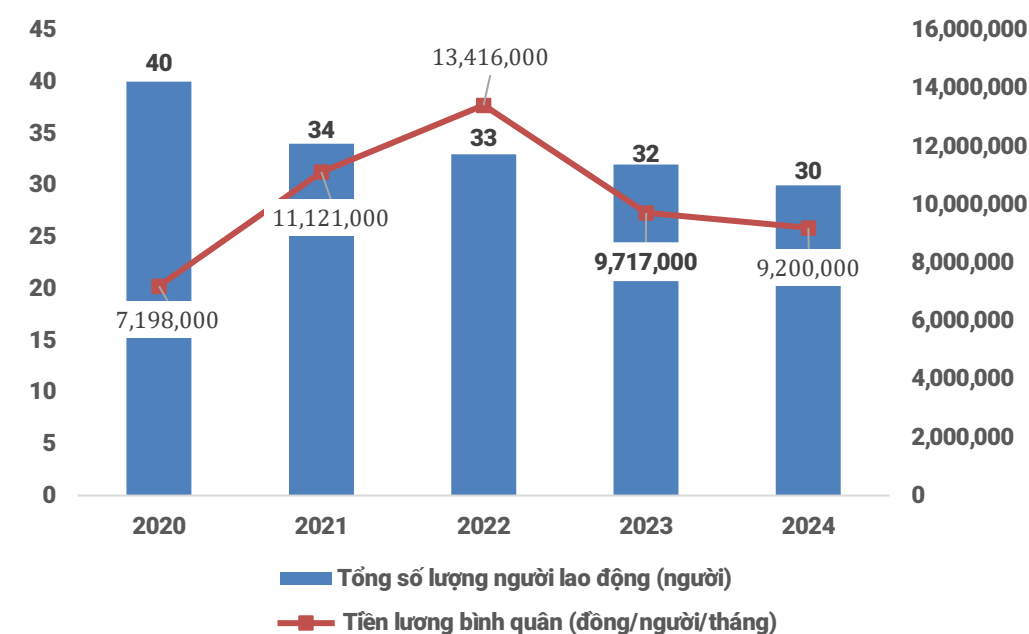
Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Kể từ khi thành lập, Docam chưa xảy ra bất cứ vi phạm nào liên quan đến môi trường do Công ty luôn cam kết thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường. Điều này cho thấy tính hiệu quả trong những chính sách về môi trường và xã hội do Công ty xây dựng mang lại hiệu quả rất cao.



Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Time	2020	2021	2022	2023	2024
Tổng số lượng người lao động (người)	40	34	33	32	30
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	7.198.000	11.121.000	13.416.000	9.717.000	9.200.000



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Chính sách lao động – Bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động

Docam cam kết mang đến môi trường làm việc an toàn, công bằng và đầy đủ quyền lợi cho toàn bộ nhân viên. Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật lao động, bao gồm ký kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ phúc lợi khác.

Với triết lý "Con người là tài sản quan trọng nhất", Docam đặc biệt chú trọng đến sức khỏe và sự phát triển của nhân viên. Công ty hợp tác với các cơ sở y tế uy tín để tổ chức khám sức khỏe định kỳ, đồng thời tổ chức các chương trình du lịch, hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao tinh thần gắn kết tập thể. Bên cạnh đó, Docam luôn đảm bảo các chính sách nghỉ phép, bảo hiểm tai nạn và các phúc lợi khác, giúp nhân viên có điều kiện làm việc thoải

mái và an tâm cống hiến.

Không chỉ đảm bảo quyền lợi về vật chất,

Docam còn chú trọng đến lộ trình phát triển sự nghiệp minh bạch cho mỗi cá nhân. Chính sách lương, thưởng được xây dựng công bằng, phản ánh chính xác năng lực và đóng góp của nhân viên. Công ty cũng không ngừng đổi mới các cơ chế khen thưởng, tạo động lực mạnh mẽ để khuyến khích sự sáng tạo và thành tích xuất sắc. Đồng thời, Docam đầu tư vào các chương trình đào tạo chuyên sâu, giúp nhân viên nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu thị trường và đóng góp vào sự phát triển bền vững của công ty.



Hoạt động đào tạo – Phát triển nguồn nhân lực bền vững

Docam xem việc đầu tư vào đào tạo và phát triển nhân sự là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển dài hạn. Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo dành cho nhân sự mới, giúp họ nắm bắt văn hóa doanh nghiệp và tiếp cận những giá trị cốt lõi của công ty ngay từ đầu.

Các kế hoạch đào tạo và phát triển nhân lực được thiết kế dựa trên đánh giá hiệu quả công việc và vai trò đóng góp của từng nhóm lao động, giúp nhân viên có lộ trình nghề nghiệp rõ ràng và phù hợp với

định hướng phát triển của công ty. Điều này không chỉ tạo động lực cá nhân mà còn gắn kết chặt chẽ mục tiêu cá nhân với chiến lược chung của doanh nghiệp, mang lại lợi ích thiết thực cho cả hai bên.

Bên cạnh các khóa đào tạo nội bộ, Docam còn hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa học nâng cao chuyên môn bên ngoài, nhằm giúp họ cập nhật kiến thức mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng linh hoạt với những thay đổi trong ngành.

Trách nhiệm với cộng đồng – Gắn kết phát triển bền vững

Docam luôn ý thức rõ ràng rằng sự phát triển của doanh nghiệp phải đi đôi với sự thịnh vượng của cộng đồng. Công ty không chỉ tập trung vào tăng trưởng kinh doanh mà còn chủ động thực hiện nhiều chương trình trách nhiệm xã hội nhằm hỗ trợ cộng đồng địa phương.

Hằng năm, Docam tổ chức và khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động vì cộng đồng như hiến máu nhân đạo, hỗ trợ gia đình công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp vào các quỹ từ thiện địa phương,... Những chương trình này

không chỉ mang lại giá trị thiết thực cho xã hội mà còn củng cố tinh thần đoàn kết và ý thức trách nhiệm của tập thể Docam đối với cộng đồng.

Xây dựng mối quan hệ hài hòa và bền vững với xã hội không chỉ là nghĩa vụ mà còn là một dấu ấn quan trọng trong hành trình phát triển của Docam. Công ty tin rằng, sự thành công của doanh nghiệp không chỉ đo lường bằng con số lợi nhuận mà còn thể hiện qua những giá trị tích cực mà doanh nghiệp mang lại cho xã hội.

Định hướng tham gia thị trường vốn xanh

Hiện tại, Docam chưa triển khai các hoạt động cụ thể liên quan đến thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, công ty nhận thức rõ vai trò quan trọng của việc tham gia thị trường này trong việc thúc đẩy phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Trong thời gian tới, Docam sẽ nghiên cứu và xây dựng kế hoạch tham gia thị trường vốn xanh, bao gồm việc xem xét phát hành các công cụ tài chính xanh, đầu tư vào các dự án có tác động tích cực đến môi trường. Đồng thời, công ty cam kết tuân thủ đầy đủ hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế để đảm bảo sự minh bạch và nhất quán trong hoạt động tài chính xanh.

Việc tham gia vào thị trường vốn xanh không chỉ giúp Docam đa dạng hóa nguồn tài chính, mà còn là một phần trong chiến lược phát triển bền vững của công ty. Docam hướng đến sự cân bằng giữa lợi ích kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, góp phần vào mục tiêu chung của nền kinh tế xanh và phát triển bền vững.



CHƯƠNG 03

Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lí
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

THUẬN LỢI



- Với trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, DOCAM đã xây dựng được hình ảnh và uy tín vững chắc trong mắt người tiêu dùng. Sự am hiểu về thị trường, và mối quan hệ với đối tác là những điểm mạnh đã giúp công ty duy trì sự ổn định và phát triển bền vững qua thời gian.
- Tình hình tài chính lành mạnh của Công ty cũng là một ưu điểm lớn khi vốn chủ sở hữu chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản, rủi ro vỡ nợ rất thấp và nền tảng nguồn vốn tốt, tạo điều kiện cho việc vay vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh một cách thuận lợi. Điều này không chỉ giúp Docam thuận lợi mở rộng hoạt sản xuất kinh doanh mà còn củng cố được uy tín trong cộng đồng kinh doanh phân bón

KHÓ KHĂN

- Năm 2024, kinh tế thế giới là bức tranh sáng tối đan xen. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024 có nhiều khởi sắc, tuy nhiên cũng gặp không ít khó khăn thách thức; tiêu dùng tuy có gia tăng nhưng tăng nhẹ khiến tổng cầu yếu ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ hàng hóa của các doanh nghiệp. Tỷ giá trong năm 2024 diễn biến khó lường ảnh hưởng không nhỏ đến biên lợi nhuận của doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa. Thêm vào đó, thị trường phân bón trong nước có sự cạnh tranh khốc liệt, doanh nghiệp phải không ngừng cải thiện chất lượng và tối ưu hóa giá thành để duy trì vị thế.
- Trong năm 2024, ngoài xung đột giữa Nga và Ukraine, chiến sự Trung Đông diễn ra gây ra nhiều khó khăn với các doanh nghiệp trong đó công ty Docam phải đối mặt với những thách thức rất lớn do chi phí logistics tăng cao, đặc biệt là sự gián đoạn chuỗi cung ứng hàng hóa từ khu vực Trung Đông về Việt Nam.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

No.	Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		% 2024/2023
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Tài sản ngắn hạn	120.195	98,99%	119.078	99,22%	99,07%
2	Tài sản dài hạn	1.222	1,01%	938	0,78%	76,76%
Tổng tài sản		121.418	100%	120.016	100%	98,85%

Tại ngày kết thúc năm 2024, tổng tài sản của Docam đạt 120.016 triệu đồng, giảm 1,15% so với cuối năm 2023. Mặc dù có sự sụt giảm nhẹ về tổng giá trị tài sản, nhưng xét về cơ cấu tài sản, công ty vẫn duy trì sự ổn định, phù hợp với đặc điểm kinh doanh thương mại.

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2024 ghi nhận 119.078 triệu đồng, giảm khoảng 0,93% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng lớn với 99,22% trong cơ cấu tổng tài sản. Công ty tiếp tục duy trì phần lớn tài sản ở dạng lưu động như tiền gửi ngân hàng, khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho,... Cơ cấu tài sản ngắn hạn có sự thay đổi đáng kể; các khoản tiền gửi ngân hàng giảm đáng

kể tương ứng 11,5 tỷ đồng chủ yếu do Công ty tăng tồn kho phân bón. Công ty phát sinh công nợ với một số khách hàng làm khoản phải thu tăng 4,78 lần so với cùng kỳ.

Trong khi đó, tài sản dài hạn đã giảm từ 1.223 triệu đồng xuống 938 triệu đồng, tương đương mức sụt giảm khoảng 23,27% so với năm 2023; nguyên nhân chính do khấu hao thiết bị, máy móc trong năm làm giá trị tài sản cố định của Công ty giảm xuống. Tuy nhiên, do tài sản dài hạn chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng tài sản (khoảng 0,78%), nên sự sụt giảm này không ảnh hưởng lớn đến bức tranh tài sản tổng thể của Công ty.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

No.	Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		% 2024/2023
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Nợ ngắn hạn	14.987	100%	14.758	100%	98,47%
2	Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng tài sản		14.987	100%	14.758	100%	98,47%

Tính đến cuối năm 2024, tổng nợ phải trả của công ty đạt 14.758 triệu đồng, giảm 1,53% so với cuối năm 2023. Toàn bộ nợ phải trả của công ty đều là nợ ngắn hạn, không có phát sinh nợ dài hạn cho thấy Docam chủ yếu sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho các hoạt động kinh doanh. Sự sụt giảm trong tài sản ngắn hạn chủ yếu xuất phát từ khoản tiền khách hàng trả trước giảm mạnh 60,16% so với cùng kỳ và khoản phải trả người lao động giảm 29,57% so với cùng kỳ.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2024, Docam đã và đang triển khai nhiều cải tiến quan trọng nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng bộ máy tổ chức, đồng thời tối ưu hóa các chính sách và quy trình quản lý để đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của công ty.

Docam đặt mục tiêu hoàn thiện bộ máy tổ chức nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và giảm thiểu sự trùng lặp trong quy trình làm việc. Việc tối ưu hóa cơ cấu tổ chức không chỉ giúp công ty thích ứng nhanh chóng với những thay đổi của thị trường mà còn tăng cường khả năng phản ứng linh hoạt đối với các thách thức kinh doanh. Công ty tập trung vào việc phân bổ nguồn lực hợp lý và tăng cường

sự phối hợp giữa các bộ phận, từ đó gia tăng hiệu suất làm việc và thúc đẩy sự phát triển đồng bộ.

Theo dõi và nghiên cứu tình hình thị trường là một phần không thể thiếu trong chiến lược kinh doanh của Docam. Công ty thường xuyên tiến hành các khảo sát thị trường, phân tích xu hướng tiêu dùng và đánh giá nhu cầu của khách hàng để đưa ra những chiến lược phù hợp. Nhờ vào khả năng nhận diện và đáp ứng nhanh chóng những yêu cầu đa dạng của khách hàng, Docam không chỉ duy trì được vị thế cạnh tranh mà còn mở rộng thị phần một cách hiệu quả.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch kinh doanh

Căn cứ vào tình hình nội tại và những dự báo về thị trường, Công ty xây dựng các chỉ tiêu về kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	KH 2025/ TH 2024
1	Tổng sản lượng	Tấn	19.654	18.000	91,58%
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	219.955	202.605	92,11%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.951	5.050 (dự kiến)	102%
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.939	4.040 (dự kiến)	102,56%

Kế hoạch đầu tư

Khẩn trương xúc tiến việc tìm kiếm mặt bằng mới để chuẩn bị cho việc di dời trụ sở chính của Công ty ra khỏi Khu công nghiệp Biên Hòa 1 theo quyết định của cơ quan thẩm quyền. Nếu lựa chọn được địa điểm phù hợp, Công ty sẽ lập hồ sơ Báo cáo/ đề án đầu tư xây dựng văn phòng làm việc, nhà kho,... theo quy định hiện hành. Trong trường hợp việc đầu tư xây dựng mới quá tốn kém, không hiệu quả sử dụng vốn, Công ty cân nhắc có thể lựa chọn phương án không đầu tư cơ sở mới khi phải di dời, mà tiến hành thuê/ xây dựng văn phòng làm việc và thuê kho ngoài lưu giữ hàng hóa.

Trong năm 2025, Công ty không có kế hoạch đầu tư xây dựng mới công trình.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai là ý kiến chấp nhận toàn phần.



Các giải pháp cơ bản

Nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới, nhất là phải nỗ lực tối đa để phấn đấu cao nhất trong việc thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch được giao, bảo đảm hiệu quả kinh doanh, Công ty sẽ quyết liệt triển khai một số biện pháp như sau:

- Đối với hoạt động thương mại phân bón: cần tập trung, vận dụng các biện pháp để làm tốt công tác cung ứng phân bón, đặc biệt là phân bón cho vụ Hè Thu, vụ Mùa 2025 nhằm mang lại lợi nhuận tốt nhất. Chú ý quan tâm theo dõi sát tình hình chiến sự Trung Đông để có kế hoạch nhập khẩu hàng kịp theo thời vụ, tiến độ cung ứng.
- Công ty cố gắng kết nối thông tin khách hàng mua bán, tìm kiếm cơ hội xuất khẩu phân bón ure từ kho ngoài quan để tăng sản lượng phân bón tiêu thụ và có nguồn ngoại tệ để nhập khẩu phân bón khác nhằm hạn chế sự bất lợi của tỷ giá.
- Về kinh doanh nông sản (khoai mì lát, bắp hạt,...) tiếp tục khảo sát tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường, quan tâm hợp tác kinh doanh liên kết với các đơn vị thuộc tổ hợp Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai và liên kết mua bán với các cổ đông lớn của công ty.
- Đối với hoạt động cho thuê nhà kho: Để sử dụng có hiệu quả tài sản đã đầu tư, tránh lãng phí, xuống cấp TSCĐ, ngoài các kho đang cho thuê, Công ty tiếp tục tìm kiếm khách hàng cho thuê ổn định thêm nhà kho diện tích 1.700 m2 tại Xí nghiệp nông sản Long Khánh. Đồng thời sử dụng có hiệu quả các diện tích đất, tài sản đang quản lý góp phần tăng doanh thu cho công ty.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch di dời trụ sở Công ty tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 (văn phòng làm việc, nhà kho,...) để không bị gián đoạn hoạt động kinh doanh khi có Quyết định di dời của UBND tỉnh Đồng Nai, theo hướng:
- Trước mắt trong thời gian (1 – 2 năm) đầu sau di dời, Công ty tiến hành thuê văn phòng làm việc và thuê kho ngoài lưu giữ hàng hóa.
- Song song đó, tìm kiếm lựa chọn mặt bằng mới trong KCN với diện tích phù hợp để đầu tư xây dựng văn phòng làm việc và làm 01 nhà kho căn bản để chủ động trong việc xuất nhập hàng hóa và sử dụng có hiệu quả theo kế hoạch chung của công ty.
- Có phương án sử dụng lao động phù hợp với tình hình thực tế hoạt động kinh doanh; quan tâm tình hình đời sống, bảo đảm thu nhập, giải quyết đầy đủ, kịp thời các chính sách cho người lao động.
- Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý, xây dựng đội ngũ kế thừa.
- Áp dụng phương thức chuyển đổi số trong quản lý và kinh doanh của Công ty

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trách nhiệm đối với môi trường là một trong những thước đo then chốt để đánh giá sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Đây không chỉ là nghĩa vụ hiện tại mà còn liên quan trực tiếp đến sự tồn tại và thịnh vượng của Công ty trong tương lai. Docam luôn nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và cam kết thực hiện các chính sách thân thiện với môi trường trong mọi hoạt động kinh doanh.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Docam luôn chú trọng đảm bảo quyền lợi người lao động. Bằng việc đảm bảo quyền lợi, an toàn, và tạo điều kiện phát triển toàn diện cho nhân viên, Docam không chỉ xây dựng được một đội ngũ nhân sự vững mạnh mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững và thành công lâu dài của công ty. Công ty cam kết tiếp tục đầu tư và cải thiện các chính sách nhân sự, nhằm duy trì môi trường làm việc tốt nhất và khuyến khích sự cống hiến của mỗi cá nhân.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm đối với cộng đồng không chỉ là một nghĩa vụ mà còn là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của DOCAM. Bằng cách hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn ở địa phương phát triển văn hóa địa phương, đảm bảo hoạt động kinh doanh không gây ô nhiễm, bảo vệ sức khỏe người dân và tạo cơ hội việc làm ổn định, DO-

CAM không chỉ thúc đẩy sự phát triển của công ty mà còn góp phần xây dựng một cộng đồng mạnh mẽ và thịnh vượng. Công ty cam kết tiếp tục đầu tư và cải thiện các chương trình trách nhiệm xã hội, nhằm tạo ra những giá trị bền vững cho cộng đồng và góp phần vào sự phát triển chung của xã hội.



CHƯƠNG 04

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH

Năm 2024, kinh tế thế giới và trong nước thuận lợi và thách thức đan xen, thiên tai, dịch bệnh và xung đột quân sự diễn ra khắp các khu vực đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước trong đó có Docam.

Mặc dù kết quả kinh doanh đã giảm so với năm trước do khó khăn kinh tế và thị trường phân bón nêu trên, nhưng với nỗ lực cao nhất, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và toàn thể công nhân viên, người lao động của Docam đã cùng nhau nỗ lực hết mình để vượt qua khó khăn, tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao phó, cụ thể:

Năm 2024, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch ĐHCĐ giao đối với các chỉ tiêu chủ yếu:

- Doanh thu thuần đạt 219,955 tỷ đồng so với kế hoạch 180,35 tỷ đồng, vượt 21,96% kế hoạch;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 4,951 tỷ đồng so với kế hoạch 4,70 tỷ đồng, vượt 5,34% kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 3,939 tỷ đồng so với kế hoạch 3,760 tỷ đồng, vượt 4,76% kế hoạch.



VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH

Năm 2024, Docam đã đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức trong bối cảnh thị trường đầy biến động. Các yếu tố như sự bất ổn trong thị trường phân bón và nông sản, cũng như những tác động tiêu cực kéo dài từ cuộc chiến Nga và Ukraine đã ảnh hưởng sâu sắc đến nền kinh tế toàn cầu. Cuộc chiến không chỉ làm suy thoái thị trường, đẩy giá nguyên liệu đầu vào tăng cao mà còn gây áp lực lạm phát, làm giảm sức mua và tăng chi phí vận hành.

Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo sát sao, nhạy bén của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, công ty đã kịp thời điều chỉnh chiến

lược phù hợp với thực tế thị trường. Bộ máy quản lý đã giữ vững hoạt động ổn định, đảm bảo sự liên tục trong chuỗi cung ứng, hạn chế tối đa các rủi ro về lưu kho và quản lý hàng hóa. Đặc biệt, công ty đã dự trữ hợp lý lượng lớn phân bón, chủ động ứng phó với biến động giá cả, giảm thiểu rủi ro khi nhập khẩu nguyên liệu và duy trì được tính ổn định trong cung cấp sản phẩm.

Những nỗ lực này không chỉ giúp công ty vượt qua các khó khăn trong năm mà còn củng cố nền tảng hoạt động, chuẩn bị sẵn sàng để tận dụng cơ hội phát triển trong tương lai.

VỀ CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG

Docam luôn đặt trách nhiệm môi trường lên hàng đầu. Trong năm vừa qua, công ty đã triển khai nhiều chính sách không chỉ nhằm gìn giữ vệ sinh, đảm bảo môi trường làm việc trong lành, mà còn góp phần cải thiện điều kiện tự nhiên cho cộng đồng. Đây không chỉ là cam kết của Docam với trách nhiệm về môi trường, mà còn là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của công ty trong việc duy trì hoạt động ổn định và đạt được các mục tiêu kinh doanh trong bối cảnh kinh tế nhiều biến động. Mảng kinh doanh chính như phân bón và cho thuê kho xưởng đều ghi nhận những kết quả khả quan, góp phần đảm bảo tăng trưởng doanh thu và nâng cao hiệu quả tài chính. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị cũng nhận thấy những thách thức cần được giải quyết, bao gồm chi phí tăng, tỷ giá tăng, cạnh tranh ngày càng khốc liệt và áp lực từ biến động kinh tế toàn cầu. Công ty cần tiếp tục cải thiện hiệu quả vận hành, tối ưu hóa chi phí và tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DOCAM sẽ tiếp tục tối ưu hóa việc quản lý vốn thông qua việc áp dụng các phương pháp tài chính tiên tiến, đảm bảo rằng mỗi khoản đầu tư đều mang lại lợi nhuận tối đa và giảm thiểu rủi ro tài chính.

Trong năm 2025, Công ty DOCAM sẽ tiếp tục duy trì và mở rộng kinh doanh thương mại phân bón, tận dụng tối đa các sản phẩm phân bón ưu thế của công ty. Đồng thời, công ty sẽ tiếp tục mua bán nông sản, đặc biệt là khoai mì lát, nhưng sẽ điều chỉnh phương thức kinh doanh để phù hợp

với tình hình thực tế; tìm kiếm/mở rộng đối tác kinh doanh nông sản.

Đảm bảo tính minh bạch trong mọi thông tin liên quan đến Công ty. Nâng cao chất lượng sản phẩm và tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên trong hoạt động kinh doanh (nhất là khâu bán hàng) để giữ uy tín và thương hiệu Công ty. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cố gắng phấn đấu đạt hiệu quả kinh doanh như kế hoạch đã đề ra.



CHƯƠNG 05

Quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của
- Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT chuyên trách
2	Cao Hùng Lai	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
3	Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành

Lý lịch của hội đồng quản trị

Xem phần II. Tổ chức và nhân sự

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm 2024

Tính đến ngày 31/12/2024, công ty chưa có sự thay đổi nào về Hội đồng quản trị

Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị

Không có

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

Trong năm 2024, tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Điều hành doanh nghiệp đều báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch (kinh doanh nông sản, phân bón quý, 6 tháng, 9 tháng, ước cả năm 2024); việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; đề xuất các nội dung trình Hội đồng quản trị xem xét.

Bên cạnh người đại diện pháp luật của doanh nghiệp trực tiếp quản lý và điều hành công ty, một thành viên trong Ban điều hành (Phó Giám đốc) cũng đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị và đều phải

trình bày báo cáo chi tiết về các nhiệm vụ được giao trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Đối với các thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành và đại diện cho phần vốn của Công ty mẹ, chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban Điều hành nhằm đảm bảo rằng công ty không lệch hướng khỏi các mục tiêu và định hướng phát triển đã đề ra. Do đó, mọi hoạt động của Ban Điều hành đều được giám sát chặt chẽ để đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.



Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã tổ chức 6 phiên họp, trong đó có 5 phiên họp trực tiếp và 01 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến các thành viên HĐQT. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT	6/6	100%
2	Cao Hùng Lai	Phó Chủ tịch HĐQT	6/6	100%
3	Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT	6/6	100%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung các Nghị quyết/Quyết định/ Biên bản của HĐQT năm 2024

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
1	Biên bản họp HĐQT	21/03/2024	Biên bản họp HĐQT quý I/2024, nội dung: - Thông qua báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2023 trình ĐHCĐ; - Các giải pháp thực hiện kế hoạch 2024; - Báo cáo thực hiện SXKD quý I và dự kiến một số công việc quý II/2024.	100%
2	42/NQ-HĐQT	21/03/2024	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 - Ngày chốt danh sách:15/04/2024 - Thời gian tổ chức: dự kiến tháng 05/2024	100%
3	Biên bản, nghị quyết, tài liệu, nội dung HĐQT thống nhất trong Quý II/2024:			
3.1	Tài liệu họp ĐHCĐ thường niên 2024 (Thông báo mời họp ĐHCĐ và giấy ủy quyền)	25/04/2024	HĐQT thống nhất đăng tài liệu họp ĐHCĐ thường niên 2024 và công bố thông tin tài liệu họp ĐHCĐ thường niên với SGDCK (Thông báo mời họp ĐHCĐ, ngày đại hội, địa điểm ĐH và giấy ủy quyền, xác nhận tham dự đại hội).	100%
3.2	Biên bản HĐQT	09/05/2024	Biên bản họp HĐQT quý II/2024, nội dung: - Rà soát các công tác chuẩn bị họp ĐHCĐ, thông qua các tờ trình đại hội - Báo cáo ước thực hiện SXKD 6 tháng đầu năm 2024, duyệt quỹ tiền lương năm 2023, một số công việc chủ yếu trong thời gian tới.	100%

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ
3.3	HĐQT thống nhất tài liệu họp ĐHCĐ (cập nhật)	09/05/2024	Tài liệu họp ĐHCĐ (cập nhật): nội dung chương trình, báo cáo của HĐQT, báo cáo của BKS, các tờ trình đại hội: Thông qua kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính đã được kiểm toán, phân phối lợi nhuận năm 2023, nhiệm vụ KH năm 2024,... dự thảo Nghị quyết đại hội	100%
4	43/NQ.HĐQT	09/07/2024	Nghị quyết HĐQT về việc phân bổ tỷ lệ trích quỹ khen thưởng – phúc lợi năm 2023; cụ thể: Quỹ khen thưởng người lao động 60%, Quỹ phúc lợi 40%, tương ứng 360.000.000 đồng	100%
5	44/NQ.HĐQT	09/07/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua giao dịch giữa công ty cổ phần Vật tư nông nghiệp Đồng Nai với Công ty cổ phần Xuất khẩu Đồng Nai và công ty cổ phần Cao su công nghiệp.	100%
6	44/NQ-HĐQT	30/07/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2023	100%
7	45/NQ-HĐQT	10/12/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024	100%
8	46/NQ-HĐQT	18/12/2024	Nghị quyết HĐQT về việc vay tín dụng ngân hàng TMCP Công Thương Đồng Nai	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Đoàn Tuấn Anh	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên Ban kiểm soát

Lý lịch ban kiểm soát

Xem phần II. Tổ chức và nhân sự

Hoạt động của ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, ban điều hành và cổ đông



Ban kiểm soát hiện có 03 thành viên trong đó có 01 thành viên chuyên trách, đáp ứng cơ cấu theo quy định pháp luật và điều lệ. Trong năm 2024, ngoài việc tham gia họp, giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp với nội dung chính là thẩm định BCTC năm 2023, thẩm định số liệu BCTC 6 tháng đầu năm 2024. Đồng thời BKS cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ được giao nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch công tác trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.



Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và việc tuân thủ các quy định pháp luật. Các hoạt động có sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị: Ban kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị và tham gia đóng góp ý kiến cho công ty; qua đó cũng giúp công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện tốt hơn. Trước khi tiến hành cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban Kiểm soát đều có thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành được biết và hỗ trợ trong việc bố trí nơi họp, cung cấp hồ sơ, chứng từ và nhân sự tham gia.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong mối quan hệ phối hợp với Ban kiểm soát:

- Các thông báo mời họp và tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
- Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS đồng thời với thời điểm gửi Ban Điều hành theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ và Điều lệ Công ty;
- Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024 trình ĐHĐCĐ, HĐQT đã phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế quản trị và Điều lệ Công ty.

Ban Kiểm soát cũng đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong mối quan hệ đối với HĐQT:

- Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Trong các cuộc họp của BKS, nếu cần thiết, BKS đề nghị/ yêu cầu thành viên HĐQT và Ban điều hành tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm; kể cả phối kết hợp với thành viên kiểm toán viên độc lập trong việc giám sát báo cáo tài chính năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty.

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Đoàn Tuấn Anh	Trưởng BKS	2/2	100%
2	Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên BKS	2/2	100%
3	Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên BKS	2/2	100%

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/BB-BKS	18/3/2024	• Thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023
2	02/BB-BKS	31/7/2024	• Đầu quý 3, tổ chức cuộc họp với nội dung là thẩm định số liệu BCTC 6 tháng năm 2024

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Đồng

Họ và tên	Chức vụ	Tổng lương	Tổng thù lao
Hội đồng Quản trị			
Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT	703.931.799	-
Cao Hùng Lai	Thành viên, Phó CT. HĐQT	-	60.000.000
Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT	-	36.000.000
Ban kiểm soát			
Đoàn Tuấn Anh	Trưởng BKS	319.167.812	-
Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên BKS	-	30.000.000
Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên BKS	-	30.000.000
Ban Điều hành			
Cao Hùng Lai	Phó Giám đốc	484.094.761	-
Ngô Huỳnh Minh	Kế toán trưởng	411.640.847	-

Đánh giá việc tuân thủ quy định về quản trị công ty

Tại Công ty Cổ Phần Vật tư Nông Nghiệp Đồng Nai (DOCAM), quản trị công ty luôn được đặt lên hàng đầu và tiến hành theo các quy định pháp luật, điều lệ công ty, cũng như quy chế quản trị nội bộ. Điều này đảm bảo quyền lợi và lợi ích của cổ đông lẫn các nhà đầu tư, đồng thời duy trì minh bạch và trung thực trong hoạt động kinh doanh thông qua việc công bố thông tin

đầy đủ, kịp thời, rõ ràng. Về mặt tổ chức, Ban lãnh đạo DOCAM liên tục hoàn thiện bộ máy quản trị, gắn với bản sắc và giá trị cốt lõi của Công ty. Đặc biệt, doanh nghiệp chú trọng nâng cao năng lực quản trị cho các thành viên lãnh đạo, nhằm đảm bảo hiệu quả tối ưu trong điều hành và giám sát hoạt động kinh doanh.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Tên	Mối quan hệ	Số cổ phiếu đầu kỳ		Số cổ phiếu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Cao Hùng Lai	Người nội bộ	31.500	0,315%	0	0	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Tên tổ chức	Mối quan hệ với công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Công ty cổ phần Cao su công nghiệp	Cùng chịu chung một sự kiểm soát của Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	3600259017 đăng ký lần đầu ngày 27/01/2005, thay đổi lần thứ 8 ngày 05/07/2021 do Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai cấp	Số 14, đường 21 tháng 4, P. Xuân Tân, TP. Long Khánh, T. Đồng Nai	26/08/2024	Số 44/NQ – HĐQT ngày 09/07/2024	Bán hàng 27.300 kg phân bón. Tổng trị giá giao dịch 307.125.000 đồng

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát Không có

CHƯƠNG 06

Báo cáo tài chính

- Ý kiến của kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán



Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN



RSM Việt Nam

Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147Bis Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn
www.rsm.global/vietnam

Số: 284/2025/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Lê Việt Hà
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4732-2024-026-1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		119.074.823.831	120.194.763.251
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	2.945.991.793	16.215.256.889
1. Tiền	111		2.945.991.793	4.715.256.889
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		85.500.000.000	99.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	85.500.000.000	99.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.425.218.336	399.036.189
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	25.110.905.323	4.347.833.578
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		51.452.361	40.246.286
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		238.690.975	236.786.648
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(3.975.830.323)	(4.225.830.323)
IV. Hàng tồn kho	140	4.5	9.104.334.076	4.464.589.892
1. Hàng tồn kho	141		9.104.334.076	4.464.589.892
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		99.279.626	115.880.301
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		99.279.626	115.880.301
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		938.217.524	1.222.802.114
I. Tài sản cố định	220		254.075.078	538.659.668
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	254.075.078	538.659.668
Nguyên giá	222		27.186.129.977	27.186.129.977
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.932.054.899)	(26.647.470.309)
II. Tài sản dài hạn khác	260		684.142.446	684.142.446
1. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	5.8	684.142.446	684.142.446
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		120.013.041.355	121.417.565.365

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.755.072.783	14.987.075.881
I. Nợ ngắn hạn	310		14.755.072.783	14.987.075.881
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	4.278.332.352	2.946.117.648
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		546.314.330	1.371.160.725
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	793.171.196	725.330.391
4. Phải trả người lao động	314	4.9	1.611.063.740	2.287.351.660
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.10	3.546.507.459	3.545.197.355
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	108.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	1.752.662.125	1.752.554.625
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.12	2.227.021.581	2.251.363.477
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105.257.968.572	106.430.489.484
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.13	105.257.968.572	106.430.489.484
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		568.007.905	568.007.905
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.689.960.667	5.862.481.579
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		750.481.579	1.145.188.112
LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.939.479.088	4.717.293.467
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		120.013.041.355	121.417.565.365



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

Ngô Huỳnh Minh
Người lập

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	219.955.191.928	236.329.402.238
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		219.955.191.928	236.329.402.238
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	209.486.580.721	225.286.622.507
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.468.611.207	11.042.779.731
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	4.930.112.344	7.520.167.446
6. Chi phí tài chính	22		194.109.068	512.711.983
Trong đó, chi phí lãi vay	23		191.233.549	493.797.668
7. Chi phí bán hàng	25	5.4	5.557.179.481	5.841.426.719
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	4.725.777.579	6.290.228.014
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.921.657.423	5.918.580.461
10. Thu nhập khác	31		44.191.437	2.036.372
11. Chi phí khác	32		14.000.000	-
12. Lợi nhuận khác	40		30.191.437	2.036.372
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.951.848.860	5.920.616.833
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.012.369.772	1.156.319.083
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.8	-	47.004.283
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.939.479.088	4.717.293.467
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.13.3	294	361
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.13.4	294	361



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

Ngô Huỳnh Minh
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.951.848.860	5.920.616.833
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	284.584.590	441.444.486
Các khoản dự phòng	03		(250.000.000)	(2.051.701)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.768.874.949)	(7.225.690.613)
Chi phí lãi vay	06		191.233.549	493.797.668
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		408.792.050	(371.883.327)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(20.776.182.147)	2.153.556.757
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.639.744.184)	3.852.429.023
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(314.376.402)	2.295.620.607
Tăng giảm chi phí trả trước	12		16.600.675	66.325.803
Tiền lãi vay đã trả	14		(191.233.549)	(493.797.668)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(906.604.572)	(901.426.313)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.136.341.896)	(848.435.103)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.539.090.025)	5.752.389.779
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(160.500.000.000)	(170.500.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		174.000.000.000	180.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.768.874.949	7.225.690.613
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		18.268.874.949	16.725.690.613

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	30.786.368.800	44.064.567.500
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(30.786.368.800)	(44.064.567.500)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.13.5	(3.999.050.000)	(14.467.211.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.999.050.000)	(14.467.211.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20+30+40)	50		(13.269.265.076)	8.010.869.392
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		16.215.256.869	8.204.387.477
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50+60)	70	4.1	2.945.991.793	16.215.256.869



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

Ngô Huỳnh Minh
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600333736 ngày 01 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 28 tháng 09 năm 2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 100.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai	Việt Nam	72.108.000.000	72,11	72.108.000.000	72,11
Cổ đông khác	Việt Nam	27.892.000.000	27,89	27.892.000.000	27,89
Cộng		100.000.000.000	100	100.000.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại đường số 1, KCN Biên Hòa I, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 34 (31/12/2023: 35).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh phân bón, nông sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực buôn bán phân bón, khoai mì, lúa giống và cung cấp dịch vụ cho thuê kho.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 gồm:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Tân Phú	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Quốc Lộ 20, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Xí nghiệp Nông sản Long Khánh	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Quốc Lộ 1, Khu phố Cẩm Tân, phường Xuân Tân, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Cẩm Mỹ	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Áp Láng Lớn, xã Xuân Mỹ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Trạm Vật Tư Nông Nghiệp Vĩnh Cửu	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	Tỉnh lộ 768, xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật Tư Nông Nghiệp Đồng Nai	Kinh doanh, phân phối phân bón, nông sản	629 Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

• Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25 năm
• Máy móc thiết bị	05 – 10 năm
• Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh hàng hóa, dịch vụ bán ra và cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Lúa giống, phân bón: Không chịu thuế;
- Nông sản: Không kê khai nộp thuế giá trị gia tăng;
- Các dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.18. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	64.383.280	90.953.296
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.881.608.513	4.624.303.573
Các khoản tương đương tiền	-	11.500.000.000
Cộng	2.945.991.793	16.215.256.869

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng với lãi suất từ 4,12% đến 8,31%/năm.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty TNHH Thiên Lộc	3.799.088.179	4.049.088.179
Công ty Liên doanh Thuốc lá BAT – Vinataba (*)	15.281.200.000	-
Công ty TNHH MTV Tường Dung An Giang	5.846.500.000	-
Các khách hàng khác	184.117.144	298.745.399
Cộng	25.110.905.323	4.347.833.578

(*) Đây là khoản phải thu từ Hợp đồng mua bán phân bón ba bên với Công ty TNHH Kim Ngọc với số tiền 7.640.600.000 VND và Công ty Cổ phần Hoà Việt với số tiền 7.640.600.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	3.975.830.323	-	4.225.830.323	-
Chi tiết tình hình tăng dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:				
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND		
Số đầu năm				
Trích lập trong năm	4.225.830.323	3.284.103.869		
Hoàn nhập trong năm	(250.000.000)	941.726.454		
Số cuối năm	3.975.830.323	4.225.830.323		
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thiên Lộc	3.799.088.179	-	4.049.088.179	-
Các khách hàng khác	176.742.144	-	176.742.144	-
Cộng	3.975.830.323	-	4.225.830.323	-
		Thời gian quá hạn		Thời gian quá hạn
		Trên 3 năm		Trên 3 năm
		Trên 3 năm		Trên 3 năm

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	2.876.889.600	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	381.900.000	-	1.589.321.375	-
Công cụ, dụng cụ	68.646.549	-	93.710.289	-
Hàng hóa	4.761.130.212	-	2.119.731.769	-
Hàng gửi bán	1.015.767.715	-	661.826.459	-
Cộng	9.104.334.076	-	4.464.589.892	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Tàng, giám tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2024	24.050.623.303	1.690.442.943	1.354.740.095	90.323.636	27.186.129.977
Tại ngày 31/12/2024	24.050.623.303	1.690.442.943	1.354.740.095	90.323.636	27.186.129.977
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2024	23.867.668.687	1.690.442.943	999.035.043	90.323.636	26.647.470.309
Khấu hao trong năm	182.954.598	-	101.629.992	-	284.584.590
Tại ngày 31/12/2024	24.050.623.285	1.690.442.943	1.100.665.035	90.323.636	26.932.054.899
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2024	182.954.616	-	355.705.052	-	538.659.668
Tại ngày 31/12/2024	18	-	254.075.060	-	254.075.078

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.169.829.977 VND.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TMDV XNK Tường Nguyên	1.278.000.000	1.278.000.000	-	-
Công ty TNHH Phân bón Nguyễn Ngọc	756.562.000	756.562.000	1.276.875.000	1.276.875.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Cần Thơ	696.987.500	696.987.500	1.011.210.000	1.011.210.000
Công ty TNHH Vận tải Phân bón Tuấn Vũ	744.750.000	744.750.000	329.800.000	329.800.000
Phải trả cho các đối tượng khác (*)	802.032.852	802.032.852	328.232.648	328.232.648
Cộng	4.278.332.352	4.278.332.352	2.946.117.648	2.946.117.648

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, phải trả cho các đối tượng khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

4.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	Tại ngày 31/12/2024	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	21.457.735	269.445.394	283.466.380	35.478.721
Thuế thu nhập doanh nghiệp	747.422.534	1.012.369.772	906.604.572	641.657.334
Thuế thu nhập cá nhân	24.290.927	167.872.252	180.978.323	37.396.998
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	229.832.632	240.629.970	10.797.338
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	793.171.196	1.688.520.050	1.620.679.245	725.330.391

4.9. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương tháng 12 và quỹ lương còn phải trả người lao động tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4.10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Trích tiền thuê đất tăng thêm cho các năm từ 2006 đến 2017 theo QĐ số 26/QĐ-HĐQT	3.420.712.229	3.420.712.229
Các khoản trích trước khác	125.795.230	124.485.126
Cộng	3.546.507.459	3.545.197.355

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả ngắn hạn khác				
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.751.688.000	1.750.738.000		
Các khoản phải trả khác	974.125	1.816.625		
Cộng	1.752.662.125	1.752.554.625		
4.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
		Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND		
Tại ngày 01/01/2024		2.251.363.477		
Trích trong năm		1.112.000.000		
Chi trong năm		(1.136.341.896)		
Tại ngày 31/12/2024		2.227.021.581		
4.13. Vốn chủ sở hữu				
4.13.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu				
	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	100.000.000.000	568.007.905	13.486.188.112	114.054.196.017
Lãi trong năm trước	-	-	4.717.293.467	4.717.293.467
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.341.000.000)	(2.341.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2024	100.000.000.000	568.007.905	5.862.481.579	106.430.489.484
Lãi trong năm nay	-	-	3.939.479.088	3.939.479.088
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.112.000.000)	(1.112.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2024	100.000.000.000	568.007.905	4.689.960.667	105.257.968.572

Việc phân phối lợi nhuận trong năm nay được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	10.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.13.3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	3.939.479.088	4.717.293.467
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.000.000.000)	(1.112.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.939.479.088	3.605.293.467
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	294	361
---------------------------------	------------	------------

4.13.4. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	3.939.479.088	4.717.293.467
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.000.000.000)	(1.112.000.000)
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.939.479.088	3.605.293.467
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	10.000.000	10.000.000

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	294	361
-----------------------------------	------------	------------

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế của năm 2024.

4.13.5. Cổ tức

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Số dư đầu năm	1.750.738.000	6.217.949.000
Cổ tức phải trả	4.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(3.999.050.000)	(14.467.211.000)

Số dư cuối năm	1.751.688.000	1.750.738.000
-----------------------	----------------------	----------------------

4.14. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
--	------------------------	------------------------

Ngoại tệ các loại:

USD	1.871,90	647,42
-----	----------	--------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng (*)	217.153.297.313	233.294.843.944
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.801.894.615	3.034.558.294

Cộng	219.955.191.928	236.329.402.238
-------------	------------------------	------------------------

(*) Trong đó, doanh thu bán hàng cho bên liên quan - Xem thêm Mục 8

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp	209.486.580.721	226.230.400.662
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(943.778.155)

Cộng	209.486.580.721	225.286.622.507
-------------	------------------------	------------------------

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền tiết kiệm	4.768.874.949	7.232.436.865
Lãi bán hàng trả chậm	161.237.395	12.585.194
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	275.145.387

Cộng	4.930.112.344	7.520.167.446
-------------	----------------------	----------------------

5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	3.028.244.550	3.341.139.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	182.954.598	339.814.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.997.992.672	1.837.107.242
Chi phí khác	347.987.661	323.365.483

Cộng	5.557.179.481	5.841.426.719
-------------	----------------------	----------------------

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	132.384.997	127.052.186
Chi phí nhân viên	3.199.254.000	3.271.801.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.629.992	101.629.992
Tiền thuê đất và phí, lệ phí	519.198.868	301.739.370
Chi phí dự phòng	-	941.726.454
Hoàn nhập dự phòng	(250.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	918.665.794	1.224.504.495
Chi phí khác	104.643.928	321.774.167
Cộng	4.725.777.579	6.290.228.014

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá mua hàng hóa	209.477.649.984	217.039.086.268
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	307.691.420	9.431.113.703
Chi phí nhân viên	6.227.498.550	6.941.118.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	284.584.590	441.444.486
Chi phí dự phòng	-	941.726.454
Hoàn nhập dự phòng	(250.000.000)	(943.778.155)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.435.857.334	3.084.473.085
Chi phí khác	286.255.903	483.092.952
Cộng	219.769.537.781	237.418.277.240

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	4.951.848.860	5.920.616.833
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng:		
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành	96.000.000	96.000.000
Phạt vi phạm hành chính về đăng ký đất đai	14.000.000	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm:		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	-	(235.021.416)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	5.061.848.860	5.781.595.417
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.012.369.772	1.156.319.083

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được chi tiết như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo KQHĐKD	
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thuê đất trích trước	684.142.446	684.142.446	-	-
Lỗ đánh giá chênh lệch tỷ giá	-	-	-	47.004.283
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	684.142.446	684.142.446	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	47.004.283

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	30.786.368.800	44.064.567.500

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(30.786.368.800)	(44.064.567.500)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhiệm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

	Đồng Nai		TP. Hồ Chí Minh		Tổng cộng	
	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu	182.776.486.928	194.697.587.238	37.178.705.000	41.631.815.000	219.955.191.928	236.329.402.238
Kết quả hoạt động kinh doanh	10.424.349.207	11.000.828.231	44.262.000	41.951.500	10.468.611.207	11.042.779.731
Lợi nhuận gộp					4.930.112.344	7.520.167.446
Thu nhập tài chính					(194.109.068)	(512.711.983)
Chi phí tài chính					(5.557.179.481)	(5.841.426.719)
Chi phí bán hàng					(4.725.777.579)	(6.290.228.014)
Chi phí quản lý doanh nghiệp					30.191.437	2.036.372
Lợi nhuận khác					(1.012.369.772)	(1.156.319.083)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					-	(47.004.283)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						
Lợi nhuận sau thuế					3.939.479.088	4.717.293.467

Tất cả tài sản và nợ phải trả của Công ty đều ở tỉnh Đồng Nai.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh vì Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|--------------------------|
| 1. Tổng Công ty Công Nghiệp Thực Phẩm Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 2. Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Đồng Nai | Công ty cùng tập đoàn |
| 3. Công ty Cổ phần Cao su Công Nghiệp | Công ty cùng tập đoàn |
| 4. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng | Nhân sự quản lý chủ chốt |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
--	-----------------	-----------------

Doanh thu bán hàng – Xem thêm Mục 5.1:

Công ty Cổ phần Cao Su Công Nghiệp	307.125.000	-
------------------------------------	-------------	---

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Phan Thị Anh Thy	Chủ tịch HĐQT	703.931.799	529.178.122
Ông Cao Hùng Lai	Phó chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc	544.094.761	440.815.190
Bà Nguyễn Thị Kim Quy	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Đoàn Tuấn Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	319.167.812	241.771.763
Bà Trương Nguyễn Ngọc Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Diệu Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Ông Ngô Huỳnh Minh	Kế toán trưởng	411.640.847	324.995.972
Cộng		2.074.835.219	1.632.761.047

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào phát sinh kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Phan Thị Anh Thy
Chủ tịch HĐQT

Ngô Huỳnh Minh
Kế toán trưởng

Ngô Huỳnh Minh
Người lập

Đồng Nai, ngày 24 tháng 03 năm 2025

Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Đồng Nai, ngày 17 tháng 04 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHAN THỊ ANH THY

